

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA QUẬN THANH XUÂN.

I- KHÁI QUÁT MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI QUẬN THANH XUÂN THỜI KỲ 1997-2000.

Đại hội đại biểu Đảng bộ quận Thanh Xuân lần thứ nhất (tháng 6-1997) đã đề ra mục tiêu và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Quận trong thời kỳ 1997-2000 như sau:

I.1- Mục tiêu tổng quát là: *Giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế và phát triển các thành phần kinh tế, phát triển thương mại - dịch vụ. Tăng cường quản lý đô thị và tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị. Tạo sự chuyển biến mới về văn hoá xã hội, góp phần xây dựng Thủ đô văn minh và giàu đẹp.*

Đại hội cũng đã đề ra các *chỉ tiêu kinh tế - xã hội* chủ yếu cho thời kỳ 1997-2000 là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế : 15-16%
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 19-20%
- Phân đấu đến năm 2000: Giảm hộ nghèo từ 20-30% hộ/năm, phổ cập THCS đạt 100%, PTTH đạt 70%, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,21%.

I.2- Nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng cũng đã được Đại hội xác định là:

I.2.1- Phát triển kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của Quận trong những năm 1997-2000 được xác định rõ là: *công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp.*

- *Về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:*

Đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất để tạo ra ngày nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao trên cơ sở đầu tư, đổi mới các công nghệ tiên tiến như phải bảo đảm môi trường sinh thái. Sản xuất các loại hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tạo điều kiện về môi trường pháp lý, mặt bằng sản xuất, kinh doanh, phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá.

Phát triển sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh, tổ chức sắp xếp lại các HTX, tổ chức sản xuất, hộ cá thể, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất.

- *Thương mại - dịch vụ.*

Phát triển các trung tâm thương mại, trung tâm giao dịch, các chợ... thúc đẩy thị trường theo qui hoạch của thành phố. Sắp xếp lại các chợ và mạng lưới kinh doanh thương nghiệp, mở rộng các hoạt động dịch vụ, giải quyết cơ bản tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, các chợ cóc.

Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động tài chính ngân hàng để nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm thu chi ngân sách, tổ chức tốt các quỹ vay vốn quốc gia phát triển sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, hàng giả, trốn lậu thuế. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu thu nộp thuế hàng năm.

- *Phát triển sản xuất nông nghiệp.*

Tạo điều kiện để ổn định sản xuất ở 4 hợp tác xã sản xuất, bảo đảm đời sống của bà con xã viên. Tăng cường quản lý đất nông nghiệp. Trong điều kiện đất nông nghiệp có xu hướng bị thu hẹp do đô thị hoá nhanh, sản xuất nông nghiệp cần theo hướng tăng giá trị cây trồng, vật nuôi trên đơn vị diện tích, tăng giá trị hàng hoá, dịch vụ trên hecta đất canh tác. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, chú trọng các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao. Thực hiện các chính sách khuyến nông. Nghiên cứu áp dụng một số ngành nghề mới cho xã viên các HTX nông nghiệp trong quá trình thực hiện đô thị hoá.

1.2.2- Tăng cường công tác xây dựng và quản lý đô thị.

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng trên cơ sở quy hoạch, tăng cường quản lý đất đai. Phối hợp cùng các ngành sản xuất của thành phố, phấn đấu mở thêm các tuyến đường, phố chính, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, hệ thống chiếu sáng và các công trình phúc lợi xã hội khác. Từng bước bê tông hoá đường, ngõ ở các khu dân cư ổn định với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, giảm bớt nạn ô nhiễm môi trường. Tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong việc lập lại trật tự an toàn giao thông, đô thị, phấn đấu đường thông hè thoáng ở các tuyến phố, trục đường giảm ùn tắc giao thông trên địa bàn. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đô thị, quản lý đất đai và trật tự xây dựng. Ngăn chặn kịp thời tình trạng lấn chiếm đất công. Xác lập bản đồ địa chính làm cơ sở để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất.

1.2.3- Văn hoá xã hội.

Tạo ra sự chuyển biến mới về văn hoá xã hội nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Quan tâm và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giá trị đạo đức truyền thống, tạo lập nếp sống văn minh, ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá độc hại, đấu tranh chống tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Công tác văn hoá thông tin - thể dục thể thao với mục tiêu cụ thể như chú trọng văn hoá thông tin ở cơ sở, thành lập một số câu lạc bộ văn hoá, thể thao phường, cụm dân cư. Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao Quận làm nòng cốt cho các hoạt động.

Giáo dục đào tạo. Phấn đấu bảo đảm 80% trẻ em dưới 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non, 70% trẻ trong độ tuổi vào nhà trẻ mẫu giáo, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cho 100% học sinh trong độ tuổi, phổ cập PTTH đạt 70%. Từng bước phổ cập nghề, ngoại ngữ, tin học cho thanh niên, học sinh, xoá tình trạng học ca ba.

Đại hội Đảng bộ quận Thanh Xuân cũng đã đề ra một số giải pháp để thực hiện các mục tiêu trên như thành lập các trung tâm giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp dạy nghề của Quận, tăng cường bồi dưỡng giáo viên, xây dựng thêm cơ sở - vật chất cho các trường phổ thông, từng bước thực hiện xã hội hoá giáo dục v.v...

Y tế: Từng bước thực hiện tốt các dịch vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Chú trọng công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm. Bổ sung trang thiết bị và cán bộ cho các trạm y tế phường v.v...

Chính sách xã hội. Phấn đấu hàng năm giải quyết 2000 ng-ời có việc làm. Mở rộng dạy nghề trong các cơ sở kinh tế Nhà n-ớc và t- nhân.

Quan tâm giải quyết tốt các chính sách đối với th-ơng binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, ng-ời nghèo không nơi n-ơng tựa.

Dân số, kế hoạch hoá gia đình. Đến năm 2000 giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm còn 0,02 - 0,03%, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,21%, đẩy mạnh ch-ơng trình kế hoạch hoá gia đình. Tăng c-ờng truyền thông dân số đến từng gia đình, cụm dân c-. Kiện toàn đội ngũ cán bộ dân số - kế hoạch hoá gia đình có chuyên môn cho cơ sở.

Tăng c-ờng bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em. Đẩy mạnh ch-ơng trình phòng chống suy dinh d-ỡng, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh d-ỡng xuống d-ới 10%. Phấn đấu 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đ-ợc chăm sóc, đầu t- xây dựng các điểm vui chơi cho trẻ em.

1.2.4- Công tác an ninh, quốc phòng.

Đại hội Đảng bộ quận Thanh Xuân đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể nhằm tăng c-ờng công tác an ninh quốc phòng nhằm giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

II - ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI QUẬN THANH XUÂN.

II.1- Thực trạng kinh tế.

II.1.1- Đánh giá chung về tình hình phát triển kinh tế trong giai đoạn 1997-2000.

II.1.1.1- Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Trong thời kỳ 1997-2000, tình hình phát triển kinh tế trên phạm vi cả n-ớc nói chung, Thành phố Hà Nội nói riêng có nhiều yếu tố không thuận lợi. Cuộc khủng hoảng tài chính khu vực Đông Nam Á đã có tác động tiêu cực đến tốc độ tăng tr-ởng của nền kinh tế n-ớc ta. Từ năm 1998, đầu t- n-ớc ngoài giảm sút, kinh tế tăng tr-ởng chậm lại, sức mua giảm. Các doanh nghiệp Nhà n-ớc còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp.

Tình hình trên đã có tác động trực tiếp đến kinh tế Hà Nội nói chung và quận Thanh Xuân nói riêng. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực, nhịp độ tăng tr-ởng kinh tế trên địa bàn Quận dự kiến cho thời kỳ 1997-2000 không đạt đ-ợc chỉ tiêu đã đề ra.

Tuy nhiên, nhìn chung tình hình sản xuất trên địa bàn Quận đã tăng lên đáng kể. Giá trị sản xuất các ngành sản xuất và dịch vụ tăng từ 3465,741 tỷ đồng năm 1997, lên khoảng 4325,646 tỷ đồng và dự kiến đạt 4.914,350 tỷ đồng năm 2000 (giá cố định năm 1994), bằng 142% so với năm 1997.

Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể theo h-ớng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp. Trong khi đó, tỷ trọng ngành nông nghiệp và th-ơng mại dịch vụ có xu h-ớng giảm sút.

**Biểu 2: Giá trị sản xuất và cơ cấu kinh tế trên địa bàn
quận Thanh Xuân thời kỳ 1997-2000.**

Năm Ngành	1997		1998		1999		2000 (dự kiến)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.CN,XD,TTCN	2626,46	75,78	2.946,85	75,89	3.426,3	78,47	3.835,7	78,7
a. Công nghiệp	1789,01	51,62	1.766,85	45,50	2.087,7	47,81	2.296,5	47,1
b. T.T.C.Nghiệp					40,625	2,76	46,67	0,96
c. Xây dựng	837,45	24,16	1.180,00	30,39	1.298,0	27,9	1.492,7	30,6
2. T. mại, DVụ	832,60	24,02	929,659	23,94	933,15	21,37	1.033,73	21,19
3. Nông nghiệp	6,69	0,19	6,800	0,18	6,73	0,15	6,7	0,11
Cộng	3.465,74	100,0	3.883,31	100,0	4.366,2	100,0	4.876,13	100,0

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội, 1999

Biểu trên cho thấy ngành công nghiệp - xây dựng năm 1997 chiếm 75,78%, đến năm 2000 tăng lên 78,82%. Các ngành nông - lâm - thủy sản và thương mại dịch vụ giảm tương ứng từ 0,19% và 24,03% xuống còn 0,15 và 21,03%.

II.1.1.2- Thực trạng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Thanh Xuân là một trong những quận có các khu công nghiệp tương đối phát triển so với các quận nội thành khác của thành phố Hà Nội. Trên địa bàn Quận có hai khu công nghiệp là Thợ Đình - Nhân Chính và Giáp Bát.

Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội, năm 1999, trên địa bàn quận có 24 doanh nghiệp Nhà nước, 384 cơ sở sản xuất ngoài Nhà nước và 12 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp, loại hình doanh nghiệp và các ngành sản xuất công nghiệp chủ yếu trên địa bàn quận Thanh Xuân xem chi tiết ở phụ lục.

Trong những năm qua, do tác động quốc tế và khu vực và do đang trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường nên công nghiệp Trung ương và thành phố còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, công nghiệp trên địa bàn Quận vẫn có tốc độ tăng trưởng tương đối khá. Giá trị và tốc độ tăng sản xuất công nghiệp trên địa bàn quận thể hiện ở các biểu sau đây:

**Biểu 3: Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên địa bàn quận
Thanh Xuân thời kỳ 1997-2000.**

TT		1997	1998	Ước 1999	KH 2000
I	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (Đơn vị tính: triệu đồng, giá 1994)				
1	Doanh nghiệp Nhà nước	1.327.133	1.296.456	1.440.040	1.606.600
	- TW quản lý	955.909	1.012.311	1.126.248	1.261.400
	- Thành phố quản lý	371.250	284.145	313.792	345.200
2	D. nghiệp ngoài Nhà nước	28.589	30.659	40.826	46.340
3	Doanh nghiệp liên doanh	433.264	439.735	606.902	728.280
II	TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG (Đơn vị tính: %)				

1	Doanh nghiệp Nhà n- ớc	-	-2,31	11,08	11,57
	- TW quản lý	-	5,90	11,26	12,00
	- Thành phố quản lý	-	-23,46	10,43	10,01
2	D. nghiệp ngoài Nhà n- ớc	-	7,24	33,16	13,51
3	Doanh nghiệp liên doanh	-	1,49	38,02	20,00

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội, 1999

Trong những năm qua, khu vực công nghiệp có vốn đầu t- n- ớc ngoài có mức tăng tr- ờng cao nhất, đạt khoảng 13-19%/năm. Khu vực công nghiệp do TW quản lý phát triển ch- a thật ổn định (ở mức 6-12%), công nghiệp do thành phố quản lý tăng chậm hơn, bình quân đạt khoảng 6-8%/năm.

Về cơ cấu thành phần trong khu vực công nghiệp trên địa bàn, chủ yếu là công nghiệp thuộc khu vực Nhà n- ớc (chiếm khoảng 32-33% trong cơ cấu các ngành công nghiệp và xây dựng), trong đó chủ yếu là công nghiệp Trung - ơng. Công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng thấp, ch- a đến 1% trong cơ cấu công nghiệp và xây dựng trên địa bàn.

Biểu 4: Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn Quận.

Đơn vị: %

TT		1997	1998	Ước 1999	KH 2000
1	Các ngành sản xuất và dịch vụ	100	100	100	100
2	Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng	75,78	75,89	78,27	78,82
2.1	Trong đó công nghiệp:	51,61	45,41	48,27	48,45
	- Công nghiệp trung - ơng	27,58	26,06	26,04	25,66
	- Công nghiệp địa ph- ơng	10,71	7,39	7,26	7,02
	- Công nghiệp liên doanh	12,50	11,18	14,03	14,82
	- Công nghiệp ngoài quốc doanh	0,82	0,78	0,94	0,95
2.2	Xây dựng	24,17	30,48	30,00	30,37

Nguồn: Cục thống kê - Hà nội

Cần l- u ý rằng, trên địa bàn Quận, các doanh nghiệp Nhà n- ớc và liên doanh chiếm - u thế tuyệt đối về giá trị sản xuất. Hầu hết các cơ sở sản xuất ngoài Nhà n- ớc trên địa bàn Quận có qui mô rất nhỏ. Năm 1999, giá trị sản xuất trung bình mỗi cơ sở chỉ có 106,3 triệu đồng, trong đó cơ sở cá thể là 49 triệu đồng. Trong khi đó, giá trị sản xuất trung bình của một doanh nghiệp Nhà n- ớc (năm 1999) là 60.001,6 triệu đồng, và của doanh nghiệp liên doanh là 50.575,1 triệu đồng. Điều này cho thấy, trong những năm tới, để thúc đẩy phát triển công nghiệp trên địa bàn, cần có chính sách mở rộng và phát triển công nghiệp ngoài quốc doanh.

Về cơ cấu ngành sản xuất công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn Quận khá đa dạng và phong phú. Các ngành nghề sản xuất chủ yếu bao gồm dệt, thuốc lá, cao su, hoá chất, xe có động cơ, khoáng phi kim loại, thiết bị điện, các ngành nh- chế biến thực phẩm, cơ khí, đóng gi- ờng, tủ, chế biến gỗ, giấy

v.v... Chúng ta xem thêm phần phụ lục số ?? (biểu 6 cũ) để thấy giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn Quận.

Về cơ sở vật chất và công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Quận.

Kết quả nghiên cứu, khảo sát tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn Quận cho thấy có một số doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài như: liên doanh ô tô Hoà Bình, phân xưởng bóng đèn của Công ty liên doanh bóng đèn phích nước Rạng đông, một số doanh nghiệp sản xuất giày vải, giày da, nhà máy cao su sao vàng... có công nghệ khá hiện đại. Ngoài ra, hầu hết các cơ sở công nghiệp còn lại thuộc các ngành cơ khí, hoá chất, dệt, có cơ sở vật chất và quy mô khá lớn như công nghệ lạc hậu, khả năng cạnh tranh thấp, kinh doanh kém hiệu quả.

Một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước và Thành phố Hà Nội là trung tâm công nghiệp Thủ Đức - Đình, được xây dựng từ những năm 1958-1960. Khu công nghiệp Phụng Liệt - Giáp Bát cũng được hình thành từ khá lâu. Nhìn chung, công nghệ và cơ sở vật chất trong các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Quận đều đang tình trạng xuống cấp; cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp trên địa bàn cũng đang xuống cấp nghiêm trọng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sản phẩm kém chất lượng, chi phí sản xuất cao, khả năng cạnh tranh thấp và gây ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng.

Trong những năm gần đây, ngoài một số ít doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, còn hầu hết các cơ sở công nghiệp trên địa bàn Quận đều trong tình trạng sản xuất kém hiệu quả, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy, nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã và chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô trong những năm tới đang đặt ra hết sức cấp thiết.

Ngoài một số doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm tiêu thụ khá trên thị trường trong nước như: dây cáp điện của Công ty Rạng đông, ximăng của Công ty cao su sao vàng, thuốc lá của Công ty Thuốc lá Thăng Long và một số doanh nghiệp gia công xuất khẩu như: các doanh nghiệp may xuất khẩu X20, X40, xí nghiệp giày vải Thủ Đức - Đình, còn hầu hết các doanh nghiệp sản xuất cơ khí, dệt, xà phòng, quạt điện, phích nước, ô tô, máy công cụ, gạch men... đang gặp nhiều khó khăn trong việc tìm thị trường tiêu thụ và đang bị cạnh tranh gay gắt.

Thực trạng tiểu thủ công nghiệp.

Ngoài một số HTX, Công ty TNHH, sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở quận Thanh Xuân chủ yếu theo hình thức hộ gia đình.

Năm 1999, trên địa bàn Quận có 373 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nằm rải rác ở hầu hết 11 phường, trong đó chủ yếu là các phường: Thanh Xuân Trung, Nhân Chính, Khương Trung. Nhìn chung, từ năm 1997 số lượng hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Quận tăng như sau không đáng kể: 305 hộ năm 1997 so với 373 hộ năm 1999 (tăng 22,96%).

Số lao động tham gia sản xuất trong các cơ sở tiểu thủ công nghiệp (bao gồm cá thể, tư nhân, HTX, doanh nghiệp ngoài quốc doanh) năm 1997 là 2.213 người, chiếm 3,95% tổng số lao động đang có việc làm của Quận, năm 1998 là 2.305 người, chiếm 4,03%. Nhìn chung, qui mô lao động trung bình trong một cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 1998 là 6,2 người. Một số phường như Nhân Chính, Kim Giang, Thanh Xuân Nam chỉ khoảng 2-3 người trên một

cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Phần lớn lao động trong các cơ sở sản xuất này ch- a đ- ợc đào tạo về chuyên môn kỹ thuật và quản lý.

Ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Quận khá phong phú và đa dạng, bao gồm: cơ khí, chế biến gỗ, sản xuất giấy, muối cà, sản xuất thiết bị điện, trang phục, đồ nhựa, dệt, chế biến thực phẩm.

Nhìn chung, sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quận Thanh Xuân còn phân tán và hầu nh- không có làng nghề truyền thống nh- ở một số địa ph- ơng khác. Có một số ngành truyền thống nh- muối cà ở Kh- ơng Đình, sản xuất tăm, mảnh ở Ph- ơng Liệt nh- ng đã bị mai một và có nguy cơ mất dần. Trong những năm gần đây, một số ngành nh- chế biến gỗ, thuộc da, chế biến da... tăng lên, là nhờ gia công hoặc nhờ tận dụng nguyên liệu của một số xí nghiệp nhà máy trên địa bàn. Phần lớn các cơ sở sản xuất phát triển tự phát, dựa theo nhu cầu của thị tr- ờng và ch- a đ- ợc qui hoạch và ch- a ổn định.

Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Giá trị sản xuất trung bình của một hộ tiểu thủ công nghiệp ở quận Thanh Xuân trong 3 năm gần đây ở từng ph- ờng có sự biến động khác nhau. Theo kết quả điều tra, một số ph- ờng nh- Th- ơng Đình và Ph- ơng Liệt, giá trị sản xuất năm 1999 đã tăng khoảng 200% so với năm 1997.

Giá trị sản xuất của một số ngành nh- thuộc da, sơ chế da, sản xuất trang phục, tăng mạnh do nhu cầu thị tr- ờng tăng và sự phát triển của nhà máy giày vải Th- ơng Đình. Ng- ợc lại, giá trị sản xuất của một số ngành nh- sản xuất giấy, sản xuất từ sản phẩm cao su, nhựa, hoá chất... có xu h- ớng giảm sút, đặc biệt là ngành sản xuất giấy do bị cạnh tranh của các nhà máy lớn và nhập ngoại. Tuy nhiên, nhìn chung, tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Quận vẫn tăng khá mạnh (năm 1999 tăng 142,8% so với năm 1997).

Tóm lại. Trong thời kỳ 1997-2000, tiểu thủ công nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế của quận: Năm 1997: 0,82%; 1998: 0,79% và 1999: 0,94%.

Tuy chỉ đóng góp một phần rất khiêm tốn trong cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế trên địa bàn, nh- ng tiểu thủ công nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho hàng nghìn ng- ời lao động. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đòi hỏi vốn đầu t- ít, trình độ chuyên môn không cao, chính là khu vực đệm cho số lao động chuyển từ nông nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho những ng- ời về h- u, thôi việc mà vẫn còn sức khỏe, cho học sinh chờ việc làm. Trong một vài ngành (nh- thuộc da, sản xuất giày.. ..), đây còn là khu vực gia công, tận dụng lao động nhàn rỗi là cơ sở vậ tinh cho các nhà máy, xí nghiệp lớn trên địa bàn Quận.

Vì vậy, việc đẩy nhanh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp phù hợp với lợi thế và tiềm năng của Quận là một trong những yêu cầu đặt ra trong những năm tới.

II.1.1.3- Thực trạng phát triển ngành th- ơng mại.

Các loại hình kinh doanh th- ơng mại.

Đến tháng 1/7/1999, trên địa bàn Quận có 79 doanh nghiệp th- ơng mại ngoài quốc doanh (DNTM), (trong đó có 18 doanh nghiệp t- nhân và 59 doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn, 2 doanh nghiệp cổ phần), 1761 hộ kinh doanh th- ơng mại.

Loại hình kinh doanh th- ơng mại phổ biến trên địa bàn quận Thanh Xuân là kinh doanh tổng hợp.

Các hộ KDTM trên địa bàn Quận chủ yếu là bán lẻ ; chỉ có 5 % tổng số hộ bán buôn (năm 1998) trong đó chủ yếu bán các loại nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu. Có 710 hộ bán lẻ trong các cửa hàng không chuyên doanh với mặt hàng chủ yếu nh- l- ơng thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; 683 hộ có cửa hàng chuyên doanh nh- : vật liệu xây dựng (182 hộ), quần áo dày dép (142 hộ), trang thiết bị gia đình (126 hộ); 117 hộ không có quầy hàng, của hàng riêng mà bán bằng xe l- u động ngoài chợ.

Biểu 5: Số hộ kinh doanh th- ơng nghiệp trên địa bàn quận Thanh Xuân

	1/7/1998	1/7/1999
Tổng số hộ	1.643	1761
Trong đó:		
- Tổng số hộ bán buôn	79	23
Bán đại lý	1	9
Hàng N.lâm sản, ng.liệu, TL,T.P, đồ uống, đồ hút	6	10
Vàng bạc, đá quý	5	-
NVL phi nông nghiệp, phế liệu	33	3
Máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế	3	-
Bán buôn các mặt hàng khác	31	1
- Bán lẻ (trừ xe có động cơ)	1510	1653
Trong các CH không chuyên doanh	710	479
Hàng L- ơng thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá	297	292
Hàng phi l- ơng thực, thực phẩm	413	187
Trong các cửa hàng chuyên doanh	683	966
Hàng l- ơng thực	16	38
Hàng thực phẩm đồ uống thuốc lá	84	90
Thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế mỹ phẩm, sản phẩm VS	68	91
Vải, hàng may sẵn, đồ da, dép	142	169
Đồ dùng, trang thiết bị GĐ	126	103
Đồ ngũ kim, sơn kính, VLXD	182	238
Vật phẩm VH_G.Đ_T.T	27	67
Ph- ơng tiện đi lại (phụ tùng thô sơ)	9	11
Chất đốt	12	13
Hàng khác	10	13.5
Hàng đồ cũ	7	17
Bán lẻ ngoài cửa hàng	117	191
Bán lẻ bằng xe l- u động ngoài chợ	95	125
Bán lẻ ngoài cửa hàng	22	66
- Bán lẻ, bảo d- ỡng sửa chữa xe động cơ, xe máy	52	81
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ	2	4

Nguồn: Phòng Thống kê - quận Thanh Xuân.

Phân bố mạng l-ới th-ong mại trên địa bàn Quận.

Mạng l-ới th-ong mại trên địa bàn Quận tập trung chủ yếu ở một số ph-òng có dân số đông nh- Kh-ong trung, Ph-ong liệt, Thanh Xuân Bắc, Th-ong đình và Thanh Xuân Trung. Ph-òng Thanh Xuân Bắc với các khu tập thể đông dân, sức mua lớn, do vậy có số hộ kinh doanh th-ong mại nhiều nhất (654 hộ năm 1998), với mặt hàng chủ yếu là l-ong thực thực phẩm, đồ dùng gia đình phục vụ sinh hoạt hàng ngày, vải, hàng may sẵn.

Hai ph-òng Ph-ong liệt và Th-ong đình với lợi thế trải rộng trên các trục đ-ờng chính nh- Nguyễn Trãi, Tr-ờng Chinh, Giải Phóng nên cũng tập trung nhiều hộ kinh doanh th-ong mại. Trung bình mỗi ph-òng có từ 330-340 hộ, mặt hàng kinh doanh chủ yếu là phụ tùng xe máy, xe thô sơ, hàng nhựa, đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình, vật liệu xây dựng, vật t- ngành n-ớc, thiết bị vệ sinh.

□ Thanh Xuân Trung và Kh-ong trung, mỗi ph-òng có khoảng 250 hộ. □ ph-òng Thanh Xuân Trung, mặt hàng kinh doanh chủ yếu là vật liệu xây dựng, dọc theo đ-ờng Nguyễn Trãi. □ Ph-òng Kh-ong trung, hầu hết các hộ kinh doanh các mặt hàng l-ong thực, đồ uống, phân bổ dọc đ-ờng Kh-ong trung và dọc bờ sông Tô lịch.

Kh-ong đình và Hạ đình là hai ph-òng có số hộ KDTM ít nhất do nằm xa trung tâm, xa các đ-ờng có mật độ đi lại nhiều và không có chợ nào trên hai ph-òng đó. Các mặt hàng kinh doanh chủ yếu là đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Biểu 6: Phân bố mạng l-ới th-ong mại dịch vụ ở các ph-òng.

Chỉ tiêu	Năm 1997		Năm 1998	
	Số hộ	Số ng-ời	Số hộ	Số ng-ời
Tổng số	2644	3622	2629	3556
Nhân chính	172	237	154	173
Kh-ong trung	273	377	266	357
Kh-ong mai	123	168	195	256
Ph-ong liệt	347	479	335	440
Th-ong đình	293	405	343	423
Thanh Xuân Trung	327	452	249	550
Kh-ong đình	74	116	63	84
Hạ đình	148	204	87	101
Thanh Xuân bắc	610	842	654	855
Thanh Xuân nam	73	101	115	132
Kim giang	204	281	168	185

Nguồn: Số liệu điều tra Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển - Đại học Kinh tế Quốc dân, 1999.

Kết quả hoạt động kinh doanh th-ong mại.

Trong khối các doanh nghiệp kinh doanh th- ơng mại trên địa bàn quận Thanh Xuân, các DNTM Nhà n- ớc mặc dù có số l- ợng ít nh- ng có mức doanh thu cao nhất, Năm 1999, tổng cộng các DNTM nhà n- ớc có doanh thu gần 1625,5 tỷ đồng, trung bình mỗi doanh nghiệp có doanh thu 147 tỷ đồng, là mức doanh thu trung bình so với các DNTM trên địa bàn Hà nội.

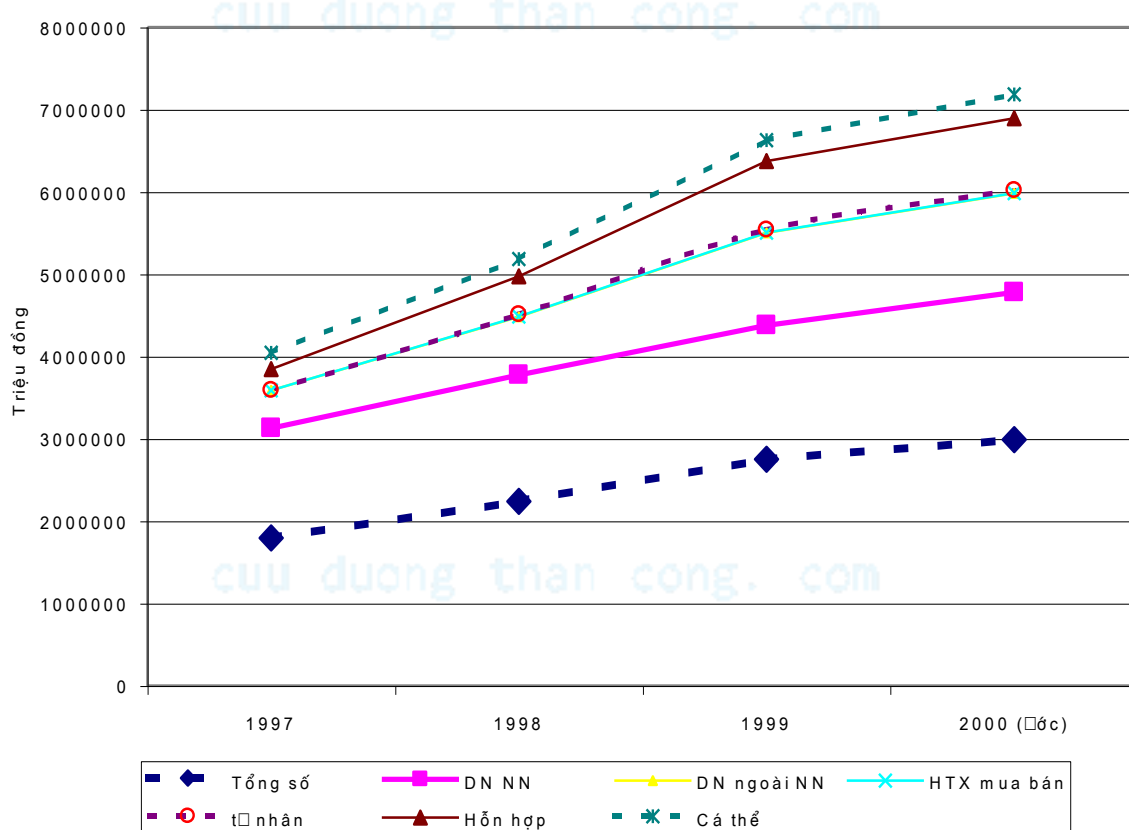
Các cơ sở th- ơng mại t- nhân có tổng mức doanh thu là 30,6 tỷ đồng, trung bình một cơ sở t- nhân đạt doanh thu rất thấp.

Biểu 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và cơ sở th- ơng mại trên địa bàn Quận.

Đơn vị: triệu đồng

	1997	1998	1999	2000 (- ớc)
Tổng số	1792823	2239651	2750331	2989599
Doanh nghiệp Nhà n- ớc	1333115	1533457	1625465	1788000
Doanh nghiệp ngoài Nhà n- ớc	459708	706194	1124866	1201599
HTX mua bán	184	4253	4550	4775
Cơ sở t- nhân	3224.1	23356	30655	32188
Hỗn hợp	257068.9	463470	835591	877370
Cá thể	199231	214115	254070	287266

Nguồn: Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển



Đối với các hộ kinh doanh thương nghiệp bán lẻ, hoạt động kinh doanh tương đối đa dạng với nhiều mặt hàng phong phú khác nhau. So với các hộ bán buôn, hộ bán lẻ có mức doanh thu thấp hơn và lợi nhuận cũng không cao. Trong số các hộ bán lẻ, các hộ chuyên doanh về phụ tùng xe máy, vật liệu xây dựng có mức doanh thu cao nhất. Trung bình các hộ kinh doanh phụ tùng đạt mức doanh thu tính thuế là 5 triệu đồng/tháng và các hộ kinh doanh vật liệu xây dựng là 3,3 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên qua điều tra chọn mẫu thì các hộ kinh doanh vật liệu xây dựng có thể đạt mức doanh thu trung bình là khoảng 10 triệu đồng/tháng, cá biệt có hộ đạt 15 triệu đồng/tháng.

Tóm lại: Hoạt động thương mại trong những năm qua diễn ra khá sôi nổi trên phạm vi toàn Quận, nhưng chủ yếu là kinh doanh nhỏ, phát triển chậm. Đây là một lĩnh vực hoạt động quan trọng cần được phát triển theo quy hoạch, kế hoạch nhằm khai thác tiềm năng của Quận.

II.1.1.4- Thực trạng hoạt động dịch vụ.

Các ngành dịch vụ.

Hoạt động dịch vụ ở quận Thanh Xuân có thể được chia làm 2 loại chính.

1- Dịch vụ sửa chữa và dịch vụ phục vụ cá nhân, gia đình

2- Dịch vụ ăn uống, dịch vụ khách sạn.

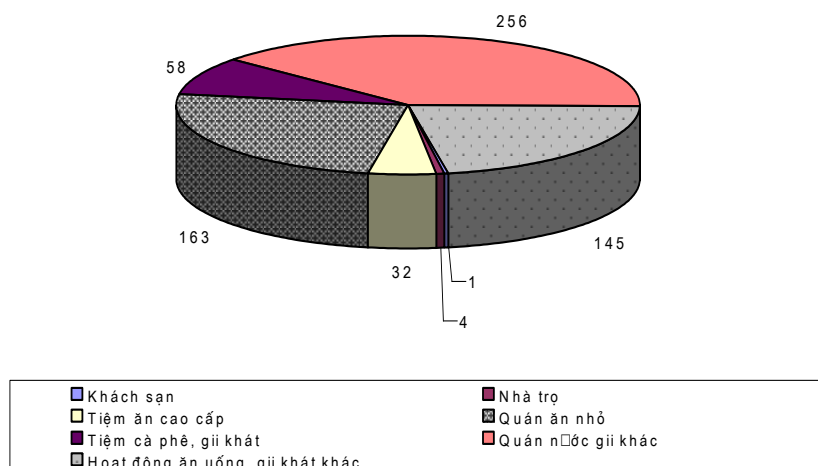
- Loại hình dịch vụ sửa chữa và phục vụ cá nhân, gia đình có 327 hộ (1999) như: cắt, uốn sấy tóc, gội đầu (92 hộ), sửa chữa quần áo, đồ da (66 hộ), cho thuê băng đĩa (38 hộ), sửa chữa đồ điện gia đình (23 hộ), sửa chữa đồng hồ, kim hoàn (27 hộ), chụp ảnh, quay phim, video (14 hộ), sửa chữa xe đạp, xe máy (9 hộ).

- Loại hình dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà trọ khá đông bao gồm 659 hộ. Trong đó các hộ kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát chiếm tỷ lệ lớn (654 hộ). Số lượng các hộ loại hình này thể hiện ở biểu sau đây:

Biểu 8: Số lượng các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống, du lịch, khách sạn trên địa bàn Quận. (Tháng 7/1998)

Tổng số	659
Khách sạn	1
Nhà trọ	4
Nhà hàng, bar, cantin	654
Trong đó	
Tiệm ăn cao cấp	32
Quán ăn nhỏ	163
Tiệm cà phê, giải khát	58
Quán ăn- ọc giải khác	256
Hoạt động ăn uống, giải khát khác	145

Nguồn: Phòng Thống kê quận Thanh Xuân



Quy mô của các hoạt động dịch vụ.

- Đa số các hộ kinh doanh dịch vụ đều có quy mô vốn t-ơng đối nhỏ, ch- a có đầu t- đáng kể về thiết bị và công nghệ. Mức vốn đầu t- trung bình của một hộ kinh doanh dịch vụ trên địa bàn Quận khoảng 20 triệu đồng (không tính giá đất sử dụng để kinh doanh). Do vậy, khả năng phục vụ các nhu cầu đời sống dân c- còn nhiều hạn chế.

- Hầu hết các hộ đều kinh doanh ở quy mô nhỏ nên chủ yếu là tận dụng lao động nhân rỗi trong gia đình, ng- ời thân. Một số hộ kinh doanh các loại dịch vụ nh- ăn uống, giải khát có thuê lao động ngoài nh- ng không đáng kể, mỗi hộ chỉ thuê một vài lao động. Cá biệt có những hộ quy mô lớn nh- tiệm ăn cao cấp, quán bia có thuê nhiều lao động hơn.

Kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Trong số 327 hộ kinh doanh dịch vụ sửa chữa nhỏ có doanh thu bình quân là 1,6 triệu đồng/tháng/hộ). Đây là mức doanh thu rất thấp, chứng tỏ rằng quy mô hoạt động cũng nh- khả năng phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của đời sống dân c- là rất thấp. Trong đó hoạt động dịch vụ văn hoá, ngoại ngữ, khám chữa bệnh có doanh thu cao hơn, khoảng 3 triệu đồng/hộ/tháng. Các dịch vụ cắt uốn, sấy tóc, gội đầu có quy mô rất nhỏ và doanh thu thấp, không ổn định.

Đối với các hộ kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng, ăn uống, giải khát, kết quả hoạt động kinh doanh cũng rất thấp. Trong tổng số 659 hộ chuyên doanh về khách sạn, nhà trọ, giải khát, mức doanh thu đạt 2,65 triệu đồng/tháng và số tháng kinh doanh bình quân một năm là 11 tháng, các hộ đạt mức doanh thu cao là kinh doanh khách sạn, nhà trọ với mức doanh thu trung bình để tính thuế đạt 5 triệu đồng/hộ, số l- ợng loại hình này rất ít.

Điều cần lưu ý là số hộ không có đăng ký kinh doanh chiếm tỷ lệ khá lớn. Chẳng hạn trong số 505 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống nh- ng chỉ có 189 hộ đăng ký kinh doanh. Đây là một tồn tại trong công tác quản lý Nhà n- ốc về hoạt động dịch vụ trên địa bàn Quận.

Hiện trạng mạng l- ới chợ trên địa bàn Quận

Trên địa bàn quận Thanh Xuân hiện có 4 chợ lớn là: chợ Th- ợng Đình, chợ Thanh Xuân Bắc, chợ Kim Giang và chợ tạm lKh- ợng Trung mới đ- ợc thành lập cuối năm 1998.

- Chợ Th- ợng Đình có diện tích sử dụng 1000 m², đ- ợc xây dựng từ năm 1991 đến nay đã xuống cấp và mái nhà bị h- hỏng nặng. Hiện nay chỉ có 1/3 diện tích chợ đang có các hộ kinh doanh sử dụng. Nhiều hộ kinh doanh đã bỏ chỗ trong chợ ra kinh doanh tại dọc đ- ờng Chính Kinh.

- Chợ Thanh Xuân Bắc: tại khu tập thể Thanh Xuân Bắc, có trên 400 hộ kinh doanh đủ các ngành hàng. Chợ nằm trong vị trí quy hoạch nh- ng ch- a đ- ợc đầu t- xây dựng, ch- a đ- ợc giải toả nhà thông với trục đ- ờng chính gây cản trở cho việc mua bán của nhân dân. Hiện tại có hơn 100 hộ hiện đang kinh doanh dọc đ- ờng Nguyễn Quý Đức, gây ảnh h- ưởng đến giao thông trong khu vực.

- Chợ Kim Giang: đ- ợc xây dựng tạm thời từ năm 1982, có 205 hộ kinh doanh trên diện tích khoảng 800 m². Hạ tầng kỹ thuật trong chợ đầu t- chấp vá, việc sắp xếp chỗ, mặt bằng cho ng- ời bán, ng- ời mua còn bất tiện nên một số hộ kinh doanh tự phát tràn ra dọc theo đ- ờng Kim Giang để buôn bán. Đầu năm 1999, UBND Ph- ờng đã mở rộng thêm một khu vực bán hàng thực phẩm t- ời sống rộng 352 m² bằng vốn huy động của các hộ kinh doanh là 40 triệu đồng.

- Chợ tạm Kh- ợng Trung: mới đ- ợc thành lập năm 1998, có hơn 160 hộ kinh doanh ổn định, chủ yếu là bán hàng thực phẩm t- ời sống.

Do nhu cầu sinh hoạt mua bán hàng ngày phát triển, nên trên địa bàn Quận đã xuất hiện thêm nhiều chợ tạm, chợ cóc ở các khu dân c- , chủ yếu là những ng- ời kinh doanh không có địa điểm cố định hoặc bán hàng t- ời sống phục vụ nhân dân vào buổi sáng. Trên địa bàn Quận đã xuất hiện thêm nhiều chợ tạm nh- :

+ Chợ tạm thuộc ph- ờng Nhân Chính: họp trên đ- ờng 361 và đ- ờng Quan nhân, chủ yếu là buôn bán hàng nông sản thực phẩm.

+ Chợ tạm thuộc ph- ờng Kh- ợng Mai: tiếp giáp với ph- ờng Kh- ợng Trung, chủ yếu là buôn bán hàng thực phẩm, nông sản.

+ Chợ tạm thuộc ph- ờng Kh- ợng Trung: có 3 điểm:

Chợ họp đầu phố Kh- ợng Trung từ Cầu Mới vào đến chi cục Thuế Thanh Xuân.

Chợ họp đầu đ- ờng vào UBND ph- ờng Kh- ợng Trung.

Chợ họp tại K92 đầu đ- ờng Đông Tây 2.

+ Chợ tạm thuộc ph- ờng Kh- ợng Đình: họp trên đ- ờng tiếp giáp ph- ờng Kh- ợng Trung với ph- ờng Kh- ợng Đình.

+ Chợ tạm thuộc ph- ờng Ph- ợng Liệt: họp trên đ- ờng vào X20 cụm 4A, đ- ợc thành phố cho phép do cụm dân c- tự quản lý.

Ngoài ra còn các chợ Th- ợng Đình ở 138 Nguyễn Trãi là nhà cấp 4 đã xuống cấp nghiêm trọng, không bảo đảm an toàn; chợ Thanh Xuân Nam...

Đặc thù của các chợ là bán lẻ là có quy mô nhỏ, cơ sở hạ tầng đều xuống cấp. Tất cả các chợ đều do UBND các Phường quản lý, và chỉ có chợ Thanh Xuân Bắc và chợ Kh-ơng Trung có Ban quản lý chợ. Đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý chợ đều là nhân viên hợp đồng với UBND các Phường.

UBND Quận đã cố gắng thực hiện sắp xếp đ- a dân các bà con kinh doanh hàng rong ở vỉa hè vào các điểm bán hàng cố định. Trong 3 năm qua đã đầu t- :

- Năm 1998 tại chợ Thanh Xuân Bắc đã đầu t- 15 triệu đồng cải tạo xây dựng một sân bê tông phục vụ các hộ kinh doanh vắng lai hoạt động. UBND Quận đã tranh thủ sự hỗ trợ của thành phố đầu t- xây dựng mới một nhà vệ sinh công cộng phục vụ trong khu vực chợ.

- Xây dựng mới và thành lập chợ tạm Kh-ơng Trung trên diện tích 2000 m2 bằng nguồn vốn huy động của các hộ kinh doanh. Giải toả đ- ợc hơn 300 hộ kinh doanh buôn bán dọc đ- ờng.

- Năm 1999, UBND Phường Kim Giang đã mở rộng thêm một khu vực bán hàng thực phẩm t- ới sống rộng 352 m2 bằng vốn huy động của các hộ kinh doanh là 40 triệu đồng .

Tuy nhiên việc xây dựng và quản lý chợ ở quận Thanh Xuân còn một số tồn tại là:

- Tình trạng thiếu chợ để hàng trăm ng- ời lấn chiếm hè phố và kinh doanh trong các chợ tạm đang gây hậu quả về nhiều mặt, làm cho bộ mặt thị tr- ờng lộn xộn, thiếu kỷ c- ơng, vi phạm Nghị định 36/CP của Chính phủ tác động xấu đến văn minh đô thị và làm thất thu ngân sách.

- Cơ sở vật chất của chợ rất yếu kém, không đảm bảo an toàn vệ sinh và bộ mặt văn minh của chợ.

- Hiệu quả sử dụng chợ còn thấp, nhiều chợ đã đ- ợc cải tạo xây dựng mới nh- ng ch- a phát huy sử dụng hết công suất.

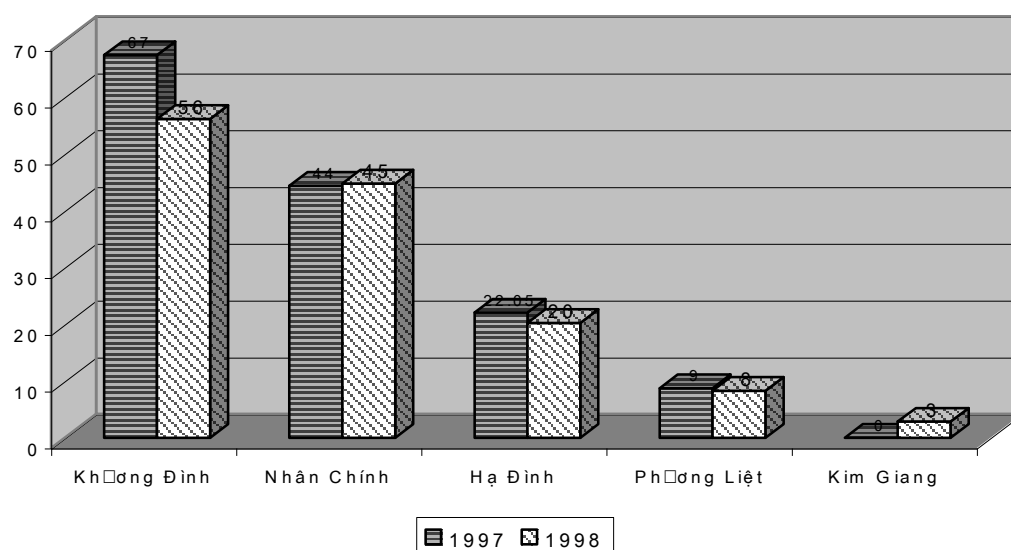
Nguyên nhân của những tồn tại trên là do cả một thời gian dài trong cơ chế bao cấp, vấn đề chợ bị xem nhẹ, lúc đó th- ờng chỉ chú ý xây dựng các cửa hàng, cửa hiệu của TNQD, không chú ý đến xây dựng chợ. Trong những năm gần đây do yêu cầu đòi hỏi của cơ chế thị tr- ờng vấn đề chợ tuy đã đ- ợc quan tâm song số ng- ời tham gia kinh doanh th- ơng nghiệp, dịch vụ tăng lên quá nhanh, thời gian để tăng c- ờng xây dựng chợ còn ngắn và còn ít kinh nghiệm nên ch- a có những giải pháp đồng bộ, nổi lên là những thiếu sót và yếu kém sau đây:

- + Vấn đề kiến trúc của chợ cũng bộc lộ những nh- ợc điểm: nhiều chợ xây dựng không thông thoáng, ít cổng, thậm chí có chợ lại có cả những hộ dân ở lẫn...Những nh- ợc điểm đó làm cho việc sử dụng chợ kém hiệu quả và không an toàn.

- + Công tác tổ chức quản lý còn nhiều yếu kém: tổ chức sắp xếp ng- ời kinh doanh thiếu trật tự, ch- a làm tốt việc giữ gìn vệ sinh môi tr- ờng, các hoạt động dịch vụ cho ng- ời vào chợ còn ít và hiệu quả thấp.

Tóm lại, trong những năm gần đây, đ- ợc sự quan tâm chỉ đạo của UBND thành phố, các cấp, các ngành, UBND quận, phường và các phòng ban chức năng, việc tổ chức và phát triển th- ơng mại trên địa bàn quận Thanh Xuân đã có những tiến bộ rõ rệt, góp phần tích cực vào việc l- u thông hàng hoá, đáp ứng nhu cầu ng- ời tiêu dùng và tạo thêm công ăn việc làm cho hàng ngàn ng- ời lao động, tăng thu cho ngân sách và góp phần vào những tiến bộ b- ớc đầu trong việc giữ gìn trật tự văn minh đô thị. Tuy nhiên việc xây dựng và phát triển th- ơng mại dịch vụ trên địa bàn quận Thanh Xuân còn bộc lộ nhiều tồn tại, nổi lên là:

- Thị trường kém sôi động. Một số doanh nghiệp trong kinh doanh thương mại dịch vụ còn lúng túng trước diễn biến phức tạp của thị trường, chưa mạnh dạn đầu tư vốn hoặc chọn hình thức đầu tư có hiệu quả.



- Các cơ sở kinh doanh thương mại chủ yếu lựa chọn loại hình kinh doanh tổng hợp, mua nhanh, bán nhanh, đầu tư vốn cho nhiều ngành hàng. Do không có sự đầu tư dài hạn nên sức cạnh tranh yếu, kết quả hoạt động kinh doanh thương mại còn thấp, chưa xứng với tiềm năng và do vậy chưa đáp ứng được nhu cầu của đời sống nhân dân.

- Do chưa có quy hoạch nên sự phát triển thương mại dịch vụ còn mang nhiều tính tự phát. Quản lý Nhà nước về hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn chưa thực sự đi vào nề nếp và chưa đồng bộ.

II.1.1.5-. Thực trạng sản xuất nông nghiệp.

Thực trạng về đất nông nghiệp.

Đất nông nghiệp của quận Thanh Xuân chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng diện tích đất tự nhiên, chủ yếu là đất trồng cây lâu năm thực và các đầm hồ.

Đất nông nghiệp rải rác ở 5 phường, trong đó chủ yếu tập trung 3 phường Phường Nhân Chính, Khương Đình và Hạ Đình. Còn ở các phường khác hầu như không có đất nông nghiệp.

Biểu 9: Đất nông nghiệp ở một số phường

Đơn vị: ha

Phường	Năm 1997	Năm 1998
Khương Đình	67,3824	56,144
Nhân Chính	44,376	44,7797
Hạ Đình	22,05	20,2259
Phương Liệt	8,7522	8,3055
Kim Giang	2,8528	2,8528

Nguồn: Niên giám Thống kê quận Thanh Xuân, 1998

Một trong những đặc điểm nổi bật là đất nông nghiệp của quận Thanh Xuân là đang giảm dần. Nguyên nhân chủ yếu là do các hộ gia đình tự ý xây dựng nhà hoặc bán trao tay cho các người khác để xây dựng nhà trên đất trồng cây hàng năm và đất mặt nước dùng vào nông nghiệp. Thực tế đã có cho thấy, tình trạng vi phạm lấn chiếm đất đai đang diễn ra ngày càng phổ biến. Theo báo cáo của Quận Ủy về kết quả kiểm tra thực hiện chương trình phát triển kinh tế, chương trình xây dựng, quản lý đô thị và phát triển nhà ở trong hai năm 1997 - 1998 đã lập biên bản xử lý 1151 trường hợp vi phạm (có 57 trường hợp chế độ bỏ 157 trường hợp lấn chiếm đất nông nghiệp). Diện tích đất nông nghiệp bình quân một lao động năm 1998: 0,13 ha; nếu chỉ tính riêng đất trồng lúa là 0,06ha.

Lao động nông nghiệp.

Nhân khẩu và lao động nông nghiệp của Quận tập trung chủ yếu ở ba phường: Nhân Chính, Khương Đình và Hạ Đình, cụ thể như sau:

Biểu 10: Số hộ, nhân khẩu và lao động của một số phường có sản xuất nông nghiệp (thời điểm ngày 1 tháng 7 hàng năm).

	Năm 1997			Năm 1998		
	Hộ	Nhân khẩu	Lao động	Hộ	Nhân khẩu	Lao động
Tổng số	1085	2738	993	1085	2724	991
Nhân Chính	345	577	388	345	572	388
Khương Đình	422	1486	397	422	1483	396
Hạ Đình	318	675	208	318	669	207

Nguồn: Niên giám thống kê quận Thanh Xuân, 1998

Như vậy, dân số và lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp (năm 1998, dân số nông nghiệp bằng 1,9%) và đang có xu hướng giảm dần. Một số hộ gia đình và lao động nông nghiệp khi chuyển sang khu vực nội thành đã chuyển sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoặc buôn bán.

Hầu hết lao động nông nghiệp chưa đào tạo kỹ thuật, chuyên môn.

Tình hình sản xuất và vai trò của nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp quận Thanh Xuân chủ yếu là trồng cây lương thực, trong đó trồng lúa chiếm ưu thế tuyệt đối cả về diện tích và sản lượng. Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội, tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Quận năm 1997 - 2000 như sau:

**Biểu 11 : Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Quận
thời kỳ 1997 - 2000**

	Đơn vị	1997	1998	1999	2000
1. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản	Tr. đ	6685	6800	6730	6700
2. Trồng trọt					
- Diện tích gieo trồng	ha	138	191	156	178
+ Lúa		106	89	83	90
+ Cây công nghiệp (lạc)		2	2	3	3
+ Cây thực phẩm (rau)		26	92	62	75
+ Hoa cây cảnh		4	8	8	10
- Năng suất					
+ Lúa bình quân	Tạ/ha	24,17	34,7	27,4	28,5
+ Rau bình quân		262,5	251,4	265	270
3. Chăn nuôi					
- Chăn nuôi trâu bò:	Con	15	13	13	13
<u>Trong đó:</u> Bò sữa		3	-	-	-
- Lợn		1122	1032	1158	1170
- Gia cầm		4444	1555	1518	1550
- Sản l- ượng thịt các loại	Tấn	86,1	74,4	97,7	98
- Trọng l- ượng lợn xuất chuồng bình quân/con		79,3	64,9	65,3	65
4. Thủy sản					
- Diện tích nuôi thủy sản	Ha	17,95	24,35	24,35	24,35
- Sản l- ượng các loại	Tấn	23,88	50,65	49,61	50

Nguồn: Cục Thống kê Hà Nội, 1999.

Biểu trên cho thấy, tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của Quận năm 2000 mới đạt khoảng 6700 triệu đồng và đang có xu h- ớng giảm dần trong những năm gần đây. Hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu là dựa vào trồng trọt. Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản hầu nh- không đáng kể.

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, đất nông nghiệp đã đ- ợc chia cho các hộ nông dân quản lý và sử dụng theo chính sách của Nhà n- ớc. Sản xuất nông nghiệp do đó là dựa vào kinh doanh nhỏ của hộ gia đình. Do diện tích đất nông nghiệp ít nên qui mô bình quân đất canh tác ở quận Thanh Xuân rất thấp. Phần lớn các hộ gia đình nông dân vừa sản xuất nông nghiệp vừa kết hợp với một số ngành nghề thủ công, buôn bán, dịch vụ qui mô nhỏ.

Trong cơ cấu kinh tế của quận Thanh Xuân, nông nghiệp chiếm vị trí thứ yếu và đang có xu h- ớng giảm về tỷ trọng so với các ngành công nghiệp và th- ơng mại - dịch vụ. Ngành nông lâm - thủy sản năm 1997 chiếm 0,19%, đến năm 2000 giảm xuống còn 0,15%.

II.2- Thực trạng văn hoá- xã hội.

II.2.1- Dân số và lao động.

Tình hình dân số và lao động trên địa bàn Quận thể hiện ở biểu sau đây:

Biểu 12: Dân số và lao động quận Thanh Xuân thời kỳ 1997-2000.

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	1997	1998	1999	2000
1. Dân số					
Tổng số hộ	Hộ	32185	32992	38040	41383
Tổng số nhân khẩu	Ng-ời	131275	138567	150487	165535
2. Nguồn lao động	Ng-ời	96441	106568	116699	126160
* Tổng số lao động đang làm việc	Ng-ời	56029	57186	58346	59200
Trong tổng số:					
Lao động trong tuổi đang làm việc	Ng-ời	55117	56200	57286	58100
Lao động trên độ tuổi	Ng-ời	900	967	1035	1070
Lao động d-ới độ tuổi	Ng-ời	12	19	25	30
Lao động nông lâm thuỷ sản	Ng-ời	1087	925	764	550
Lao động công nghiệp	Ng-ời	15493	15180	14868	15500
+ Nhà n-ớc+liên doanh	Ng-ời	11146	10622	10098	10500
+ Ngoài Nhà n-ớc	Ng-ời	4347	4558	4770	5000
Lao động xây dựng	Ng-ời	5678	5776	5874	6000
Lao động ngành th-ơng mại - KSNH	Ng-ời	11138	11120	11102	11150
Lao động dịch vụ	Ng-ời	22633	24185	25738	26000
Lao động làm việc khu vực Nhà n-ớc	Ng-ời	35790	37157	38525	37450
Lao động làm việc ngoài Nhà n-ớc	Ng-ời	18436	18819	19202	20500
Lao động làm việc khu vực đầu t- n-ớc ngoài	Ng-ời	1803	1211	619	1250
Lao động không có việc làm	Ng-ời	3776	4825	5874	6760
* Các loại lao động khác	Ng-ời	36636	44557	52479	60200

Nguồn: Cục Thống kê - Hà nội.

Ghi chú: * Gồm những ng-ời trong độ tuổi lao động nh-ng không tham gia lao động nh- : Ng-ời đang đi học, làm nội trợ, ốm đau, tàn tật v.v...

Thực trạng dân số và lao động trên địa bàn quận Thanh Xuân có một số đặc điểm cơ bản cần l- u ý trong chiến l- ược phát triển kinh tế xã hội của Quận:

Một là, Sự phân bố dân c- không đều giữa các ph-òng trong Quận. Các ph-òng đông dân c- th-òng có nhiều khu tập thể cao tầng, và mật độ dân c- cao nh- Kim Giang: 25.489 ng-ời/km², Thanh Xuân Bắc: 34.926 ng-ời/km²; Thanh Xuân Nam: 28317 ng-ời/km² Kh-ơng Trung: 28.394 ng-ời/km². Trong khi đó có nhiều ph-òng mật độ dân số rất thấp nh- : Kh-ơng Đình: 6267 ng-ời/km², Kh-ơng Mai: 7745 ng-ời/km², Nhân chính 8891 ng-ời/km². Là Quận nội thành, đang trong quá trình đô thị hoá và dự kiến là khu vực dân dân của thành phố, vì vậy, cần l- u ý vấn đề này trong quá trình phân bố dân c- trên địa bàn Quận.

Hai là, Quận có cơ cấu dân c- phức tạp. Do sự phát triển không đồng bộ và thiếu quy hoạch nên các khu dân c- th-òng xen lẫn khu vực sản xuất và cơ quan, nhất là ở các khu công

ng nghiệp lớn. Số lao động và dân c- từ nơi khác chuyển đến trong quá trình đô thị hoá và do tìm việc làm ngày càng đông nên việc quản lý và quy hoạch gặp nhiều khó khăn.

Ba là, là Quận nội thành nh- ng còn một phần khá lớn dân số nông nghiệp, chủ yếu là ở các xã mới chuyển thành ph- òng. Đây là yếu tố cần tính đến trong quá trình đô thị hoá trên địa bàn Quận.

Bốn là, Tỷ lệ tăng tr- ởng dân số của Quận rất cao, chủ yếu là do tăng cơ học. Trong nhiều năm qua sự tăng cơ học này đang nằm ngoài sự kiểm soát của Quận. Tỷ lệ tăng cơ học năm 1997 là 2,42%, 1998 là: 2,76%, 1999: 3,11% và dự kiến năm 2000 là 3,5% (số liệu Cục Thống kê Hà nội). Trong những năm tới, dân số Quận còn tiếp tục tăng nhanh. Đây là yếu tố quan trọng cần đ- ợc dự báo chính xác trong việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Quận. Trong một số dự án quy hoạch năm 1997, 1998 đã dự kiến dân số của Quận năm 2010 là 130.000 ng- òi-Theo chúng tôi là rất không thực tế. Theo số liệu và dự báo của Cục Thống kê Hà Nội, dân số của Quận chỉ trong vòng ba năm đã tăng lên 19212 ng- òi (từ 131.275 ng- òi năm 1997 lên 150.487 ng- òi năm 1999) và dự kiến năm 2000 là 165.535 ng- òi, năm 2005 là 211.270 ng- òi và năm 2010 là 244.920 ng- òi.

Năm là, Quận có nguồn lao động dồi dào. Trong cơ cấu dân số, số ng- òi trong độ tuổi lao động ngày càng tăng, năm 1997: 69,53%, năm 1999: 71,01%.

Sáu là, số lao động không có việc làm chiếm tỷ lệ lớn trong lực l- ợng lao động và đang có xu h- ớng tăng nhanh. Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội, số lao động không có việc làm tăng từ 3776 ng- òi năm 1997 lên 5874 ng- òi năm 1999 và 6760 ng- òi năm 2000. Trong những năm qua, Quận đã tích cực giải quyết vấn đề này nh- ng kết quả vẫn ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu do số ng- òi trong độ tuổi không có việc làm tăng nhanh. Ngoài ra còn có lực l- ợng lao động rất lớn không có việc làm th- ờng xuyên nh- lao động nông nghiệp trong thời kỳ nhàn rỗi, số học sinh, sinh viên đang chờ việc, số công nhân, cán bộ thôi việc hoặc không đủ việc làm trong nhà máy v.v...

Bảy là, phân bố lao động giữa các ngành và khu vực còn nhiều bất cập, ch- a tận dụng hết nguồn lao động tại chỗ trên địa bàn Quận.

Tám là, chất l- ợng lao động thấp. Một bộ phận khá lớn lao động ch- a đ- ợc đào tạo. Năm 1999, số lao động trong độ tuổi ch- a đ- ợc đào tạo chiếm tới 58,87%.

Biểu 13: Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ chuyên môn đ- ợc đào tạo (số liệu điều tra 1/4/1997 và 1/4/1999)

Chỉ tiêu	1/4/1997		1/4/1999	
	Số lao động	Tỷ lệ %	Số lao động	Tỷ lệ %
Tổng số	102806	100	119589	100
Chia ra				
Không có trình độ	62068	60,37	70403	58,87
Công nhân kỹ thuật	8180	7,96	9007	7,53
Trung học chuyên nghiệp	9942	9,67	10780	9,0
Đại học, cao đẳng	20708	20,14	27197	22,74
Trên đại học	1904	1,86	2202	1,84

Nguồn: Cục Thống kê Hà nội, 1999

Nguyên nhân của tình hình trên là do:

- Chất lượng lao động thấp nên không đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng, sắp xếp lao động của một số cơ quan, công ty trên địa bàn Quận và thành phố.
- Nhiều cơ quan, xí nghiệp, nhà máy trên địa bàn Quận do kinh doanh kém hiệu quả, dẫn đến giảm biên chế, nghỉ không làm tăng tình trạng thiếu hoặc không có việc làm.
- Quận mới được thành lập nên còn có nhiều khó khăn trong việc mở các trung tâm dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động.
- Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và Thành phố trên địa bàn Quận nói chung còn hạn hẹp, nhất là trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cơ sở đào tạo nghề... vì vậy việc tìm kiếm việc làm của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

II.2.2- Thực trạng văn hoá.

Qua số liệu báo cáo kết hợp với việc khảo sát tại địa bàn phường cho thấy: có 3 phường có nhà văn hoá (Khương đình, Khương mai, Nhân chính). Cơ sở vật chất và nội dung hoạt động của nhà văn hoá còn thiếu thốn và nghèo nàn.

Hơn một nửa số phường trong Quận (6/11) có tổ chức câu lạc bộ. Hiện nay đa số là các câu lạc bộ theo sở thích và các đối tượng tham gia chủ yếu là người lớn tuổi. Có thể nêu tên một số câu lạc bộ như: "Câu lạc bộ gia đình văn hoá", "Câu lạc bộ thơ", "Câu lạc bộ cờ tướng", "Câu lạc bộ ngoài trời" (đồng sinh)... Các câu lạc bộ này đã thực sự là nơi sinh hoạt tập thể lành mạnh, có ý nghĩa. Trong những năm qua, các thành viên Câu lạc bộ đông dần lên. Họ tự nguyện tham gia, đóng góp xây dựng câu lạc bộ của mình ngày càng lớn mạnh.

Địa điểm để xây dựng nhà văn hoá, các câu lạc bộ là một thực trạng khó khăn đối với nhiều phường. Càng khó khăn hơn đối với các nhu cầu xây dựng sân chơi, sân bãi cho các hoạt động vui chơi tập thể và thể thao tại phường do quỹ đất đai ngày càng bị thu hẹp.

□ một số phường, ngay từ trước khi thành lập Quận đã có mặt bằng về đất đai thuận lợi cho việc xây dựng sân chơi và các sân bãi có quy mô lớn, song do chủ nhà có quy hoạch cụ thể, thiếu kinh phí, hoặc chủ nhà được chính thức phê duyệt nâng cấp cải tạo..., đó là:

- Sân chơi Ông cháu (1200m²): Phường Khương đình.
- Sân chơi Phường Kim Giang 1500m² (đang thiếu thiết bị, công cụ, đồ chơi...)
- Hồ rùa (trên 5 ha): Phường Phụng liệt.
- Công viên Đầm hồng: Tiếp giáp các phường Khương đình, Khương trung, Phụng liệt..
- Sân vận động (1500m²): Phường Nhân chính.

Thực tế có một số sân chơi giữa các khu nhà cao tầng đã được hình thành từ sự phối hợp giữa chính quyền, hội đoàn thể và nhân dân địa phương. Song để phát huy hiệu quả giáo dục từ các hoạt động văn hoá, thể thao, vui chơi, giải trí thì việc đầu tư nâng cấp các sân chơi, các mặt bằng sân bãi và đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất cho các hoạt động đó là hết sức cần thiết.

Một số trung tâm sinh hoạt văn hoá thể thao, vui chơi, giải trí do các cơ quan ngoài Quận quản lý cần có sự phối kết hợp hoặc bàn giao lại cho địa phương (cấp Quận hoặc cấp phường) quản lý trực tiếp, tránh tình trạng để hoang hoá, xuống cấp nghiêm trọng như công viên MiNi tại địa bàn phường Thanh Xuân Bắc. Công viên này do công ty công viên xây dựng và quản lý từ trước khi thành lập Quận, đến nay môi trường ở đây rất mất vệ sinh và đã trở

thành tựu điểm cho các con nghiên.

Một số di tích văn hoá, lịch sử ch- a đ- ợc kịp thời nâng cấp, cải tạo và ch- a thực sự phát huy đúng tác dụng giáo dục những giá trị truyền thống đối với nhân dân địa ph- ơng, tiêu biểu là:

- Nhà Tả Mạc, Hữu Mạc Đình Kh- ơng Hạ (ph- ờng Kh- ơng Đình).
- Chùa Bồ Đề, Đình Cự Chính (ph- ờng Nhân Chính).
- Đình Ph- ơng Liệt, Chùa và Miếu ông Trạng (ph- ờng Ph- ơng Liệt).

II.2.3- Thực trạng về giáo dục.

+ Về tổ chức mạng l- ới giáo dục đào tạo:

Số l- ợng tr- ờng học các cấp trên địa bàn Quận (năm 1999) nh- sau:

- + Mầm non: 26 (trong đó có 1 tr- ờng tự thực)
- + Tiểu học: 12
- + Trung học cơ sở: 7
- + Phổ thông trung học: 5
- + Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục kỹ thuật thực hành: 5
- + Đại học và cao đẳng: 8

Việc phân bố các tr- ờng học trong Quận không đều. Hiện còn có 3 ph- ờng ch- a có tr- ờng phổ thông cơ sở (Hạ đình, Thanh Xuân Trung và Thanh Xuân Nam) Có một số tr- ờng trung học cơ sở phải chịu sức ép về số l- ợng học sinh từ nhiều ph- ờng trong Quận vì ch- a có kinh phí xây dựng hoặc không có quỹ đất để xây tr- ờng. Ph- ờng Thanh Xuân Trung và Thanh Xuân Bắc có tới hai tr- ờng đại học và một khu ký túc xá sinh viên (Mễ Trì). Mật độ sinh viên quá lớn cũng gây ra những khó khăn cho việc quản lý, tổ chức giáo dục con em ngay tại địa bàn ph- ờng.

Một số ph- ờng nh- Kh- ơng Mai, Thanh Xuân Nam... phải cho con em đi học nhờ tr- ờng trung học cơ sở ở các ph- ờng bạn. Ph- ờng Hạ Đình, Thanh Xuân Trung ch- a có tr- ờng lớp cho cả ba cấp học: Mầm non, tiểu học và phổ thông cơ sở.

Một số tr- ờng học đã bị xuống cấp hoặc và thiếu phòng học

Biểu 14 : Số l- ợng tr- ờng, giáo viên và học sinh các cấp học phổ thông

Cấp học	1998			1999		
	Tr- ờng	GV	HS	Tr- ờng	GV	HS
Mầm non	25	140	3290	26	158	3661
Tiểu học	8	242	8608	12	244	9230
THCS	7	333	7117	7	336	6730

Nguồn: Phòng Giáo dục- Đào tạo quận Thanh Xuân

+ Những cố gắng của các ph- ờng trong việc phối hợp với nhà tr- ờng giải quyết giúp đỡ các đối tượng học sinh ở diện chính sách đã thể hiện tinh thần cộng đồng, ý thức đền ơn đáp nghĩa đối với những gia đình có công với cách mạng. Đặc biệt một số ph- ờng nh- Kim Giang, Hạ Đình, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Trung đã tổ chức đ- ợc một lớp học tình th- ơng nhằm giúp đỡ những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, các lớp học linh hoạt. Một số ph- ờng đã tổ chức quỹ khuyến học trợ cấp trẻ em nghèo v- ợt khó học tập tốt (ph- ờng Thanh Xuân Trung,

Ph- ờng Th- ơng Đình, Ph- ờng Kim Giang...), Hội khuyến học (ph- ờng Kh- ơng Mai) song ch- a trở thành một phong trào rộng khắp.

Đánh giá chung về thực trạng công tác giáo dục của quận Thanh Xuân kể từ khi thành lập Quận đến nay, phải khẳng định sự cố gắng chăm lo đến sự nghiệp giáo dục các cấp uỷ Đảng, Chính quyền Quận, Ph- ờng của các thầy cô giáo và cha mẹ học sinh.

Hàng năm Quận đều có nhiều học sinh giỏi cấp Quận và cấp thành phố. Nhiều tr- ờng trong Quận đạt danh hiệu tr- ờng tiên tiến xuất sắc. Có nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Quận và cấp thành phố.

Hy vọng rằng đó sẽ là những nhân tố tiềm năng thúc đẩy phong trào giáo dục của Quận lên những tầm cao mới.

II.2.4- Thực trạng y tế.

Trung tâm y tế quận Thanh Xuân đ- ợc thành lập theo quyết định của UBND thành phố Hà nội, làm nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân trong Quận. Trong gần 3 năm qua mạng l- ới y tế cơ bản đ- ợc hoàn thiện (lúc đầu chỉ có 7/11 trạm y tế ph- ờng, đến tháng 4/97 đã có 11/11 trạm y tế ph- ờng và 4 đội sự nghiệp (Phòng HCTC, phòng KHNVD, đội VSPD, tổ quản lý bệnh xã hội) đ- ợc thành lập, đến tháng 8/97 đội Bảo vệ BMTE-KHHGD và tổ thanh tra cũng đ- ợc thành lập, số l- ợng cán bộ y tế của TTYT từ chỗ chỉ có 33 ng- ời đến nay đã có 80 ng- ời. Trình độ chuyên môn, quản lý của các cán bộ y tế đ- ợc nâng cao qua các lớp tập huấn, đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đại học và sau đại học. 100% trạm y tế ph- ờng đã có bác sỹ. TTYT đ- ợc khởi công xây dựng dự kiến đến 6/2000 sẽ đ- a vào sử dụng. Do trên địa bàn quận Thanh Xuân không có bệnh viện của Trung - ơng và Thành phố, không có phòng khám đa khoa khu vực nên TTYT đã trình với UBND Quận, Sở y tế Hà Nội xin phép đ- ợc thành lập một phòng khám chuyên khoa để đáp ứng một phần nào nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong Quận.

- Công tác hành nghề y d- ợc t- nhân: Đây là nhiệm vụ quản lý nhà n- ớc của TTYT. Đã quản lý đ- ợc 171 cơ sở HNYDTN, ngăn chặn hành nghề không phép trên địa bàn. Đã giảm tỷ lệ không phép từ 5,8% năm 1997 còn 0,5% tháng 10/1999.

- Công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ thực hiện có hiệu quả bằng nhiều hình thức phát thanh trên loa, toạ đàm, cổ động diễu hành, mít tinh, panô khẩu hiệu, áp phích.

Tuy nhiên, công tác y tế trên địa bàn Quận còn có một số tồn tại, đó là:

Tr- ớc hết, trong điều kiện một Quận mới thành lập, quy hoạch ch- a ổn định, là những thách thức đối với công tác y tế. Cho đến nay vẫn còn 4/11 trạm y tế ph- ờng ch- a có nơi làm việc, 6/11 trạm y tế xuống cấp cần sửa chữa. Ngay cả TTYT Quận ch- a có nơi làm việc. Nhiều ph- ờng vừa mới xây xong trạm y tế hoặc mới bắt đầu hoạt động, cần nâng cấp thay thế, bổ xung các thiết bị y tế (ph- ờng Kim Giang, ph- ờng Hạ Đình, ph- ờng Kh- ơng Mai, Ph- ờng Ph- ơng Liệt ...)

Mặt khác mạng l- ới y tế còn mỏng, ch- a đáp ứng đ- ợc yêu cầu của các ph- ờng và tới từng hộ dân, nhất là những ph- ờng có dân số đông. Tỷ lệ số y, bác sỹ, y tá, hộ lý...với số dân trên địa bàn Quận tính đến tháng 12/1999 là 1/2000 ng- ời (tức là 1 cán bộ y tế phải phục vụ trên 2000 ng- ời).

II.2.5- Thực trạng môi trường.

Trên địa bàn quận Thanh Xuân có nhiều nhà máy xí nghiệp công nghiệp đã hình thành từ những năm 1960. Trong đó, khu công nghiệp Thợ dệt đang gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Trong những năm vừa qua, do quá trình đô thị hoá trên địa bàn diễn ra rất nhanh chóng và thiếu quy hoạch nên sự phát triển của cơ sở hạ tầng kỹ thuật không tương xứng và đồng bộ với các cơ sở công nghiệp. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng. Điều đó thể hiện trên một số nét chủ yếu sau đây:

- Khoảng cách ly giữa khu sản xuất công nghiệp và khu nhà ở cũng như các công trình công cộng hầu như không còn nữa.

- Hệ thống các công trình công cộng bị xuống cấp và không tương xứng với số dân tập trung quá đông.

- Các yếu tố cảnh quan thiên nhiên, môi trường như cây xanh, mặt nước trong khu vực ngày càng bị thu hẹp.

- Trong các khu công nghiệp, mặc dù nhiều xí nghiệp, nhà máy đã được bố trí tập trung trên một lãnh thổ lớn, nhưng các hệ thống kỹ thuật như cấp nước, thoát nước thiếu sự phối hợp đồng bộ gây lãng phí và tăng nguồn ô nhiễm.

- Hầu hết các xí nghiệp, nhà máy đều không có trạm xử lý nước thải sinh hoạt, chỉ qua bể tự hoại rồi xả ra chung với mạng thoát nước mưa và nước thải sản xuất. Một số nhà máy có nước thải độc hại khi xây dựng đã có bể xử lý nước thải nhưng trong quá trình hoạt động do quản lý bảo trì kém nên đã gây ô nhiễm chất thải nghiêm trọng. Nhiều cơ sở sản xuất với công nghệ lạc hậu đang gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất thải rắn quá mức cho phép.

Kết quả nghiên cứu của dự án tăng cường năng lực quốc gia nhằm hoà nhập môi trường vào các quyết định đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện năm 1997 đã chỉ ra tình trạng ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng ở khu công nghiệp Thợ dệt. Vì vậy, việc triển khai những giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp trên địa bàn Quận đang đặt ra hết sức bức xúc.

Một số phường muốn cải tạo cảnh quan môi trường trồng cây xanh nhưng lại bị hạn chế về không gian, vỉa hè lòng đường hẹp (phường Khương Mai, Khương Đình, Hạ Đình).

II.2.6- Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy mới được thành lập, nhưng quận Thanh Xuân cũng không nằm ngoài quỹ đạo phát triển chung của thành phố cùng với việc đô thị hoá nhanh. Do thành phần dân cư khá phức tạp nên một số phường trong Quận đã tồn tại một số điểm tệ nạn xã hội như tệ nạn mại dâm ở khu vực Cục sáng chế, buôn bán ma túy ở đường Bê tông, Gò Đống Tây (phường Thợ dệt Đình). Phường Thanh Xuân Nam địa phận giáp xã Tân Triều là một điểm nóng buôn bán heroin, tụ điểm mại dâm. Đây là địa bàn giáp ranh giữa hai xã, phường nên việc quản lý, dẹp bỏ còn chưa có hiệu quả.

Một số phường do có cư dân và sinh viên ở các tỉnh khác đến thuê nhà nên thành phần dân cư phức tạp gây khó khăn cho công tác quản lý, đặc biệt là việc quản lý các đối tượng lao động tự do.

II.2.7- Về xây dựng quản lý đô thị và nhà ở

Thực hiện chương trình công tác của Ban chấp hành Đảng bộ quận Thanh Xuân khoá II, công tác xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn Quận đã đạt được kết quả nổi bật.

- Đã tập trung nguồn vốn đầu tư khá lớn cải tạo và phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và các cơ sở hạ tầng đô thị như hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước thuộc Quận quản lý; cải tạo và nâng cấp một số cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá thông tin, sân chơi, câu lạc bộ. Ngoài ra, thành phố cũng đã đầu tư nguồn vốn đáng kể để nâng cấp đường giao thông, cải tạo mạng cấp nước, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, cải tạo biến áp và mạng cấp điện.

- Công tác xây dựng quy hoạch đang được triển khai thực hiện. Một số quy hoạch chi tiết đã và đang được xây dựng như: Quy hoạch chi tiết xây dựng nhà ở Thanh Xuân. Định hướng quy hoạch phát triển không gian giai đoạn 1 toàn Quận, quy hoạch mạng lưới giao thông, mạng lưới y tế cấp phòng, mạng lưới chợ, mạng lưới điện, quy hoạch chi tiết sử dụng đất và giao thông, hoàn thành cơ bản một số dự án xây dựng trên địa bàn.

- Công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự đô thị đã từng bước đi vào ổn định và đạt được một số kết quả đáng kể như điều chỉnh và xác định rõ ranh giới giữa các phòng, hạn chế tình trạng lấn chiếm đất công, thu hồi việc sử dụng đất không đúng mục đích và không có hiệu quả, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thực hiện kê khai đăng ký nhà ở, đất ở...

Tuy nhiên, đây là vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn. Để công tác xây dựng, quản lý đô thị và nhà ở thực sự đạt được hiệu quả cao, trong những năm tới cần lưu ý một số vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, Tiếp tục điều chỉnh các dự án quy hoạch chi tiết đã hoàn thành dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Thanh Xuân đến năm 2010 sau khi được UBND thành phố phê duyệt. Đồng thời, tiếp tục xây dựng các dự án chi tiết cần thiết khác trên phạm vi toàn Quận phù hợp và theo chương trình và kế hoạch thống nhất, đồng bộ.

Công tác này cần được triển khai và hoàn thành trong năm 2000 để tránh tình trạng phát triển một cách tự phát do quá trình đô thị hoá đang diễn ra với tốc độ rất nhanh.

Hai là, Cần có giải pháp hữu hiệu tránh tình trạng chồng chéo trong việc quản lý các khu nhà ở, đất ở và đất đai nói chung trên địa bàn Quận. Tình trạng nhiều khu nhà ở, đất ở do nhiều cơ quan khác nhau quản lý (như khu nhà Thanh Xuân do Bộ Xây dựng quản lý, khu nhà ở sân bay Bạch Mai do Bộ quốc phòng quản lý) đang gây nhiều khó khăn trong việc thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn toàn Quận. Đã đến lúc Thành phố, các Bộ, ngành cần có sự thống nhất và phân cấp rõ ràng hơn theo hướng tăng cường trách nhiệm và quyền hạn cho chính quyền cấp quận và cấp phòng.

Ba là, Thanh Xuân là một trong những quận nội thành có quỹ đất chưa sử dụng (kể cả các đầm, hồ) và đất chưa quy hoạch khá lớn. Mặt khác tình trạng sử dụng đất đai không hợp lý, sai mục đích, không có hiệu quả đang diễn ra, kể cả trong một số cơ quan Nhà nước, công ty trên địa bàn Quận. Vì vậy cần có biện pháp để khắc phục đồng thời chấm dứt tình trạng xâm lấn đất công để thực sự đưa công tác quản lý đất đai và đô thị nói chung thật sự có hiệu quả.

II.3- Thực trạng hạ tầng kỹ thuật.

II.3.1- Mạng l- ới giao thông đ- ờng bộ.

Giao thông đ- ờng bộ của quận Thanh Xuân là một bộ phận quan trọng trong mạng l- ới giao thông của Hà Nội, là đầu mối nối với các tỉnh phía Tây Nam và phía Nam là địa bàn l- u chuyển khá lớn hành khách và hàng hoá vào ra địa bàn Thủ đô.

Mạng l- ới giao thông đ- ờng bộ trên địa bàn Quận theo qui định cũng có nhiều cấp quản lý:

- Bộ GTVT quản lý đ- ờng quốc lộ
- Sở Giao thông Công chính Hà Nội quản lý các đ- ờng chính thành phố, đ- ờng khu vực.
- Quận quản lý các đ- ờng nhánh, đ- ờng nội bộ.

** Về mô hình mạng l- ới:*

Nhìn chung, so với các quận nội thành khác, mạng l- ới giao thông đ- ờng bộ của quận Thanh Xuân là ở mức độ ch- a hoàn chỉnh nhất. Ngoài những khu nhà cao tầng thuộc quận Đống Đa cũ và các khu công nghiệp, khu nhà ở, mạng l- ới đ- ờng giao thông đã có những sắp xếp hợp lý theo qui hoạch, song còn nhiều nơi khác ch- a đ- ợc xây dựng theo qui hoạch đồng bộ. Phần lớn là các đ- ờng trục chính đều ít có tính liên thông với các quận, huyện khác trong hệ thống giao thông đồng bộ trên phạm vi toàn thành phố.

Mạng l- ới đ- ờng quốc lộ (QL).

Trên địa bàn quận Thanh Xuân có hai trục đ- ờng quốc lộ chính h- ớng tâm đi vào trung tâm thành phố là:

QL6 nối liền Hà nội với các tỉnh Tây Bắc. Đ- ờng Nguyễn Trãi nằm trên địa bàn Quận có chiều dài 2,9 km.

QL1A phía Nam: Là tuyến giao thông nối Hà Nội với các tỉnh phía Nam; Đoạn từ Ngã T- Vọng - đến bến xe phía Nam thuộc đ- ờng Giải Phóng có chiều dài 960 m có mặt cắt ngang rộng từ 36 - 46m.

Mạng l- ới đ- ờng vành đai (VĐ)

Hệ thống các đ- ờng vành đai gồm có:

VĐ số 2: Là đoạn tuyến giao thông từ Ngã T- Vọng - Ngã T- Sở, thuộc đ- ờng Tr- ờng Chinh. Đoạn này có mặt cắt ngang rộng 15 - 20 m chỉ đạt 3 - 5 làn xe. Đã từ lâu đây là tuyến đ- ờng vành đai chính của thành phố, nh- ng mặt cắt ngang nhỏ nên tuyến này đang bị quá tải nghiêm trọng.

VĐ số 3 phía Nam: Là đoạn thuộc đ- ờng nam Thăng Long rẽ từ đ- ờng Nguyễn Trãi vào thuộc phạm vi ph- ờng Thanh Xuân Bắc; bề rộng đ- ờng t- ơng đ- ơng cấp khu vực, khoảng 17 m.

**. Đ- ờng khu vực:*

Một số đ- ờng khu vực hình thành từ khi quận Thanh Xuân ch- a đ- ợc thành lập xuất phát trên cơ sở là các tuyến đ- ờng liên xã, liên huyện, hoặc đến các khu nhà ở:

- Đ- ờng Kh- ơng Trung nằm phía bắc sông Tô Lịch
- Đ- ờng Th- ợng Đình (Ph- ợng Liệt) đi sát bờ phía nam sông Tô Lịch
- Đ- ờng Nhân Chính nằm phía nam sông Tô Lịch

Một số đường khác cũng được hình thành từ lâu, theo nhu cầu qui hoạch phát triển các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, nhà máy liên doanh nên được nâng cấp đưa vào tiêu chuẩn qui phạm đường thành phố như các đường: Nguyễn Tuấn, Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Trọng Phụng.

**. Đường nội bộ:*

Phần lớn đường nội bộ trong các khu nhà cao tầng hoặc khu nhà ở đều được xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế qui hoạch, các công trình hạ tầng kỹ thuật đều được xây dựng đồng bộ như: Thanh Xuân, Kim Giang, gần đây là khu sân bay Bạch Mai.

Ngoài ra, các đường ngõ xóm khác cũng được nâng cấp cải tạo, mặt cắt nhỏ và kết cấu đường bằng bê tông xi măng.

**- Các công trình vượt dòng:*

Trên địa phận quận Thanh Xuân có hai con sông thoát nước chính đi qua là:

- Sông Tô Lịch chạy dọc hướng bắc nam qua các phường: Nhân Chính, Thanh Đình, Khương Trung, Hạ Đình, Khương Đình, Kim Giang.

- Sông Lừ nằm phía đông Quận, qua các phường: Phương Mai, Phương Liệt.

Các công trình vượt dòng trên sông Tô Lịch gồm:

- Cầu Mọc: Kết cấu bê tông cốt thép (BTCT) lắp ghép, khẩu độ nhịp $L = 43m$, khổ cầu $l = 4,5m$.

- Cầu Mới: Kết cấu BTCT liên hợp, khẩu độ nhịp $45m$, khổ cầu $l = 4,5m$.

Các công trình vượt dòng trên sông Lừ gồm:

Cống Tàu bay - Đường Trường Chinh: Kết cấu BTCT cống tròn và cống bán, chiều dài $l = 8m$, khổ cầu $15m$.

Cống Tráng - đường Giải Phóng

**. Về chiều rộng các phố trong khu vực Quận:*

Chiều rộng các phố trong khu vực thay đổi rất lớn từ nhỏ hơn $5m$ đến lớn hơn $40m$. Cũng như tình trạng chung số lượng làn xe ở nhiều đường phố chưa được phân chia rõ ràng do hầu hết là thiếu vạch phân luồng cho các dòng xe. Trên trục đường QL6 có sử dụng dải phân cách để phân luồng giao thông theo hai hướng. Các đường khác xe thô sơ và cơ giới đi chung.

**- Về nút giao thông:*

Quận Thanh Xuân có nhiều nút giao cắt như những nút lớn cần kể đến là nút Ngã Trường Chinh và nút Ngã Trường Chinh - Vọng là các nút giao đồng mức, hiện tại đã lắp đặt đèn tín hiệu kết nối với trung tâm điều khiển giao thông tại 40 Hàng Bài. Đây là những nút gây ách tắc nhiều nhất hiện nay, cần có biện pháp cải tạo và giải tỏa ngay.

**- Giao thông công cộng:*

Các tuyến xe bus ở Hà Nội đang khai thác chạy qua địa phận Quận hiện nay gồm những tuyến sau:

- Tuyến số 1: Chợ Long Biên - Hàng Da - Ga A - Ngã Trường Chinh - Thanh Xuân - Bến xe Hà Đông.

- Tuyến số 2: Bác Cổ - Cửa Nam - Giáp - Ngã Trường Chinh - Thanh Xuân - Bến xe Hà Đông.

- Tuyến số 6: Long Biên - Bồ Hồ - Ga A - Ngã Trường Chinh - Kim Giang - Cầu Biều.

- Tuyến số 8: Long Biên - Bồ Hồ - Mơ - Vọng - Giáp Bát - Văn Điển

- Tuyến số 9: Long Biên - Phan Chu Trinh - Lê Duẩn - Văn Điển - Đường Tán.

- Tuyến số 19: Bệnh viện 108 - Minh Khai - Vọng - Ngã Trường Chinh - Bến xe Hà Đông.

Trên địa bàn quận Thanh Xuân chỉ có bãi đỗ xe Thanh Xuân và 40A Tr-ờng Chinh diện tích khoảng 7100 m² và một số điểm bán xăng trên đ-ờng trục chính QL6 và VĐ2 (Nguyễn Trãi, Tr-ờng Chinh).

**- Đ-ờng sắt:*

Tuyến đ-ờng sắt phía Nam chạy qua quận Thanh Xuân từ Ngã T- Vọng đến đ-ờng Định Công dài 1.350m. Vị trí giao thông đồng mức ở nút Ngã T- Vọng là ch-ớng ngại rất lớn cho giao thông hiện nay cần giải toả.

II.3.2- Đ-ờng hàng không.

Nh- trên đã trình bày, sân bay Bạch Mai đ-ợc xây dựng từ thời Pháp. Hiện nay sân bay này đã bị thu hẹp, chỉ chủ yếu sử dụng cho máy bay trực thăng do Bộ Quốc phòng quản lý.

II.3.3- Cấp n-ớc.

Mạng l-ới cấp n-ớc theo các trục tuyến ống bao gồm:

- Tuyến ống truyền dẫn: Đ-ờng kính $\Phi 300$ - $\Phi 600$ dài 10,3km. Tuyến ống $\Phi 600$ gồm của nhà máy n-ớc Hạ Đình dẫn ra và các tuyến chạy dọc trên QL6 - VĐ2; ngoài ra trên VĐ2 đoạn Láng - Tr-ờng Chinh còn có tuyến đ-ờng kính $\Phi 300$ - $\Phi 400$, ống có đ-ờng kính từ $\Phi 400$ là chất liệu nhựa Phần Lan.

- Tuyến ống phân phối: Đ-ờng kính $\Phi 100$ - $\Phi 250$; L = 23km. Các tuyến này cấp phân phối cho các khu vực dân c- và một số cơ quan, khu nhà dân...

Chất liệu ống ngoài ống Phần Lan trong đó còn sử dụng loại ống gang cũ.

Ngoài hệ thống trên còn có một số trạm cấp n-ớc cục bộ khác: Công ty Thanh Xuân, Công ty Ph-ơng Nam, khu nhà ở Kim Giang, Quân chủng Phòng không - Không quân. Các trạm này thuộc các trạm cơ quan hoặc Công ty kinh doanh n-ớc sạch quản lý, công suất từ 800 - 6.000m³.

Đa số các ph-ờng còn khó khăn về n-ớc sinh hoạt. Ph-ờng Th-ợng Đình có 60% dân số dùng n-ớc sản xuất và giếng khoan, ph-ờng Thanh Xuân có 1/3 hộ dùng n-ớc sản xuất công nghiệp, còn lại dùng n-ớc giếng khoan, nguồn n-ớc của huyện Từ Liêm, ph-ờng Kh-ơng Đình có 90% số hộ dùng n-ớc giếng khoan, 10% số hộ dùng n-ớc của tr-ờng Mary-Quyry. Một số ph-ờng nguồn n-ớc còn ch- a hợp vệ sinh do một số bể cung cấp quá lâu không đ-ợc thay rửa, ngoài ra còn do ng-ời dân tự ý đục ống dẫn n-ớc, gây rò rỉ nhiễm bẩn nguồn n-ớc.

II.3.4- Thoát n-ớc:

Quận Thanh Xuân nằm trong hai l-u vực lớn là sông Tô Lịch và sông Lừ dài khoảng 3,5km, trục thoát n-ớc chính là hai sông trên và m-ương Mễ Trì - Hoà Mục dài khoảng 1,5km (thông hồ Mễ Trì h-ớng tiêu là sông Nhuệ); ngoài ra còn một số m-ương khác tổng chiều dài 4,7km h-ớng thoát vẫn về các trục trên.

Ngoài ra, Quận vẫn còn xen kẽ đất canh tác nông nghiệp và hệ thống đầm ao, hồ.

Khẩu độ cống thoát n-ớc trên địa bàn Quận gồm nhiều loại và với nhiều dạng tiết diện khác nhau nh-ng chủ yếu là cống hộp và tròn.

Cống có $D \geq 1000$, chiều dài 7,1km

Cống có $D < 1000$, chiều dài 4,7 km

Cống bản có $B > 1000$, chiều dài 0,9 km

Hệ thống thoát n-ớc trên địa bàn Quận cần đ-ợc cải tạo hoặc xây dựng mới phù hợp với qui hoạch.

Hầu hết các ph-ờng (ph-ờng Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân Bắc, Th-ợng Đình...) ch- a có hệ thống cống thoát n-ớc, một số ph-ờng có hệ thống thoát đã xuống cấp do đ-ợc xây dựng cùng với thời điểm xây dựng đ-ờng 6. Hệ thống thoát n-ớc cũ xây dựng đ-ợc một phía của đ-ờng 6, bị cắt giữa chừng (chỉ dừng lại ở ph-ờng Thanh Xuân Bắc). Hiện nay mật độ dân c- sinh sống tại các ph-ờng tăng dẫn đến nhu cầu tiêu dùng n-ớc, thoát n-ớc tăng theo, hệ thống cống rãnh không còn hiệu quả nên đã gây ứ đọng n-ớc ở một số địa bàn khi có m- a (đặc biệt ph-ờng Thanh Xuân Trung). Ph-ờng Kh-ợng Liệt cũng trong tình trạng t-ơng tự do chỉ có 4 tuyến cống thoát n-ớc với kích th-ớc ϕ 600 xây dựng từ thời kỳ tr-ớc, bị ứ đọng bùn dẫn đến tình trạng không kịp thoát n-ớc mỗi khi m- a xuống.

II.3.5- Cấp điện:

Nguồn điện cấp chủ yếu cho quận Thanh Xuân là từ trạm 110/35/6kv Th-ợng Đình, 110/35/22- 6kv Mai Động và 110/10/10 KV Ph-ợng Liệt. Trong đó, trạm 110 KV Th-ợng Đình sẽ đ-ợc cải tạo nâng cấp trong giai đoạn 1999 - 2000 theo nguồn vốn vay ADB.

Đ-ờng dây cấp xuống các trạm hạ thế 6/0,4KV là dây nổi 6KV. Hiện nay có hơn 180 trạm biến thế 6 - 10/0,4KV - Tổng công suất 88.990 KVA và hai trạm cắt 6KV là Thanh Xuân và Cự Lộc có từ thời Pháp thuộc cần nâng cấp xây dựng lại. Đối với các nhà máy, xí nghiệp, khu nhà ở lớn th-ờng sử dụng trạm xây, ngoài ra đa số th-ờng là loại biến thế trạm treo.

Mật độ trạm có thể đánh giá là lớn, bán kính phục vụ trung bình 200m nên điều kiện phân phối có nhiều thuận lợi. Trong t-ơng lai cần nâng cấp hoặc thay thế các trạm cũ.

***- Hệ thống chiếu sáng đô thị:**

Toàn bộ các tuyến đ-ờng đều đ-ợc lắp đặt các cột đèn cao áp, kể cả hầu hết các tuyến ngõ xóm trong khu dân c-. Một số tuyến mới đã đ-ợc theo qui hoạch, đi độc lập còn nhiều tuyến cũ th-ờng đi chung, tận dụng cột hiện có gắn thêm đèn vào làm mất mỹ quan khu đô thị.

II.3.6- Mạng l-ới thông tin b- u điện:

Quận Thanh Xuân hiện có các tổng đài: Đại La - dung l-ợng 4.024 số, Th-ợng Đình - dung l-ợng 4.756 số, Thanh Xuân Nam - dung l-ợng 1.008 số. Thanh Xuân Bắc - dung l-ợng 1.264 số. Ngoài tổng đài Thanh Xuân Bắc sử dụng 100% công suất còn lại mới chỉ sử dụng khoảng 70% công suất.

Tuyến dây thông tin b- u điện phục vụ thuê bao chủ yếu đi nổi treo cùng các loại dây khác cũng nh- mạng chiếu sáng không đảm bảo an toàn và làm mất mỹ quan đô thị.

II.4- Hiện trạng sử dụng đất ở quận Thanh Xuân

II.4.1- Tình hình sử dụng đất ở quận Thanh Xuân đ- ợc thể hiện ở biểu sau đây:

Biểu 15: Hiện trạng sử dụng đất ở quận Thanh Xuân (Năm 1999)

Loại đất	Số l- ợng (ha)	% tổng số
- Đất dân dụng	448,105	49,07
- Đất ngoài dân dụng	465,095	50,93
1. Đất dân dụng	448,105	100
1.1. Đất đơn vị ở (ph- ờng)	428,67	95,8
- Nhà trẻ, mẫu giáo	2,55	0,6
- Tr- ờng học	8,37	1,95
- Cây xanh	3,08	0,72
- Công cộng ph- ờng (y tế, công, uỷ ban)	5,79	1,35
- Đ- ờng giao thông	14,75	4,33
- Đất ở	394,13	91,94
1.2. Đất dịch vụ công cộng	7,255	1,6
1.3. Cây xanh	3,01	0,6
1.4. Đ- ờng giao thông	9,17	2,
2. Đất ngoài dân dụng	465,095	100
2.1. Công nghiệp, công trình kiến trúc	142,000	30,53
2.2. Cơ quan, tr- ờng học	43,708	9,39
2.3. Đ- ờng phố	44,160	9,49
2.4. Quốc phòng	82,180	17,67
2.5. Di tích	3,11	0,66
2.6. Ao hồ	38,55	8,28
2.7. Sông, m- ơng	28,12	6,04
2.8. Nghĩa địa	3,62	0,77
2.9. Canh tác và ch- a sử dụng	80,275	17,25

Ghi chú: Đất đ- ờng thành phố đ- ợc tính bằng cách lấy tổng diện tích đất giao thông: 68,08 ha (Cục Thống kê) trừ đi 14,75 ha (đ- ờng trong đơn vị của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà nội) trừ đi 9,17 ha (đ- ờng trong đất dân dụng).

$$68,08 \text{ ha} - (14,75 \text{ ha} + 9,17 \text{ ha}) = 44,16 \text{ ha}$$

Các số liệu còn lại lấy của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà nội.

Đất canh tác và đất ch- a sử dụng đ- ợc tính bằng cách lấy tổng hợp diện tích đất ngoài dân dụng trừ đi các loại đất dân dụng từ mục 2.1. đến mục 2.8.

$$465,095 \text{ ha} - (142,00 \text{ ha} + 43,708 \text{ ha} + 44,16 \text{ ha} + 82,18 \text{ ha} + 3,11 \text{ ha} + 28,12 \text{ ha} + 3,62 \text{ ha}) = 80,275 \text{ ha}.$$

Qua biểu thống kê về hiện trạng sử dụng đất có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Thứ nhất, mật độ đ- ờng giao thông chính tính trên 1 héc ta quá thấp, với diện tích đ- ờng giao thông chính khoảng trên 50 ha, với tổng chiều dài hơn 128 km, tính ra mỗi héc ta

đất tự nhiên chỉ có 140 m đường. Tỷ lệ đất đường giao thông các loại (đường Thành phố, Quận, đơn vị ở) mới đạt hơn 7,4 % tổng diện tích của Quận. Đó là tình hình có thể rút ra từ số liệu thống kê. Trên thực tế, toàn bộ lưu lượng giao thông từ Thanh Xuân sang các quận khác hầu như chỉ qua trục đường 6 và nút giao thông số 26 (Ngã tư). Tình trạng ùn tắc giao thông đã kéo dài từ nhiều năm nay, và sẽ còn trầm trọng trong vài năm tới, nếu không có giải pháp thiết thực.

- Thứ hai, mật độ xây dựng quá cao, dù đây là Quận mới thành lập. Trong phần đất dân dụng, có tới trên 91% là đất ở. Nguyên nhân của mật độ xây dựng cao trong đất dân dụng là do phần lớn nhà trong các làng xóm cũ đều là nhà cấp 4. Tuy mật độ xây dựng cao, nhưng diện tích nhà bình quân đầu người vẫn thấp. Hơn nữa, do mật độ xây dựng cao nên đất để dành cho các chức năng khác sẽ không đạt tiêu chuẩn cần thiết.

- Thứ ba, diện tích đất trồng cây xanh quá ít, tính ra mới đạt 3 m²/ha đất tự nhiên của Quận.

Như vậy, trong hướng bố trí quy hoạch sử dụng đất sẽ phải tìm biện pháp hợp lý để tăng tỷ lệ đất cho xây dựng đường giao thông, đất cây xanh và giảm tỷ lệ đất ở đô thị.

Để có thể thực hiện được theo hướng đó trong bố trí sử dụng đất ngoài dân dụng cần tập trung vào các khu vực sau đây:

Một là, đất công nghiệp, kho tàng. quận Thanh Xuân có ba khu công nghiệp tập trung. Khu công nghiệp Thung đình, với 18 nhà máy, được bố trí trên diện tích khoảng 42,19 ha, phần lớn đã được xây kiên cố ở mặt tiền, tiếp giáp với đường 6, phía sau là nhà ở, kho tàng thấp tầng, bãi chứa nguyên liệu và phế liệu. Nhìn chung hệ số sử dụng đất khá cao, với những diện tích này, chuyển chức năng sử dụng sang trồng cây xanh sẽ tương đối dễ thực hiện.

Với khu công nghiệp Nhân chính, bao gồm 38 doanh nghiệp, diện tích trên 66 ha, phần lớn chưa xây dựng hoàn chỉnh. Nhiều doanh nghiệp sau khi xác định quyền sử dụng, còn để trống (ví dụ xí nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản, trên diện tích 35.000 m² hầu như không hoạt động, đang cho thuê làm kho mỹ phẩm; Ban cơ yếu Chính phủ cũng cho thuê nhiều đất, Xí nghiệp Bạch đằng của Bộ Nội vụ; Nhà máy đại tu ô tô số 1). Diện tích đất chưa sử dụng trong phạm vi này có thể chuyển sang chức năng khác.

Với khu công nghiệp Phương Liệt, được bố trí trên diện tích tổng cộng là trên 13 ha, đã có khá nhiều diện tích trong số đó đã chuyển thành đất ở cho cán bộ, công nhân của các doanh nghiệp. Có doanh nghiệp như Công ty Kinh doanh Vật liệu xây dựng (thuộc Sở Xây dựng). Cơ khí Quang Trung... cho thuê đất để lấy tiền nộp tiền thuê đất cho nhà ở. Có thể điều chỉnh chức năng sử dụng đất ở một số doanh nghiệp ở khu vực này, sau khi rà soát lại một cách cụ thể từng doanh nghiệp về tình hình sử dụng đất.

Hai là, đất của các cơ quan nhà ở. Đang có hiện tượng bao chiếm nhiều đất, nhưng không sử dụng hết, mà tìm cách cho thuê hoặc chuyển chức năng sử dụng theo hướng chỉ chú ý đến lợi ích cục bộ của cơ quan. Cần rà soát lại tình hình sử dụng đất ở khu vực này.

Ba là; đất ao, hồ, đầm và đất canh tác. Các loại đất này đang tồn tại ở 5 phạm vi là:

Phạm vi Nhân chính: còn 26% diện tích tự nhiên của Phạm vi, trong đó 23 % là đất canh tác, 3 % là ao hồ.

Phạm vi Khương Đình: còn tới 44 % diện tích tự nhiên của phạm vi này là đất canh tác và ao hồ. Đáng chú ý là ở đây có khu Đầm Hồng, chiếm 27% diện tích của Phạm vi, rất có khả

năng hình thành các khu công viên cây xanh và khu giải trí trong t-ơng lai gần. Ph-òng còn 16% diện tích tự nhiên là đất canh tác.

Ph-òng Hạ đình: còn 15% diện tích tự nhiên là đất canh tác, 11% là ao, hồ, đầm, có thể hình thành quần thể công viên cây xanh, mặt n-ớc, khu vui chơi cùng với khu đầm Hồng của Kh-ơng Đình.

Ph-òng Ph-ơng Liệt: Còn 8% diện tích tự nhiên là ao hồ, trong đó đa phần là hồ nhỏ, khó quản lý và duy trì lâu dài, có một vài hồ có thể giữ lại tạo mặt n-ớc thoáng cho không gian đô thị và là nơi chứa n-ớc vào mùa m- a.

Ph-òng Kim giang: còn 7% diện tích tự nhiên là đất canh tác.

Đó là 5 ph-òng còn có thể bố trí tăng thêm t-ơng đối thuận lợi các loại đất còn quá ít (giao thông, cây xanh, công trình công cộng) trong cơ cấu đất của Thanh Xuân trong thời gian tới.

Đối với mảng đất dân dụng, cần chú ý đến đất ở thuộc các làng xóm cũ của các ph-òng: Kh-ơng đình, Hạ đình và Nhân chính, một phần nhỏ Ph-òng Kim giang. Đây là khu vực có hệ số sử dụng đất không cao, đất cho các công trình công cộng còn ít; đất giao thông cũng quá nhỏ và bố trí lộn xộn nên giao thông càng khó khăn. Với khu vực này cần tổ chức lại hệ thống giao thông kết hợp với việc điều chỉnh một cách hợp lý tỷ lệ các loại đất theo h-ớng hiện đại hoá đô thị.

II.4.2- Đánh giá về quỹ đất xây dựng.

Khả năng xây dựng mới các công trình ở quận Thanh Xuân t-ơng đối thuận lợi, và ít tốn tiền đền bù cho giải phóng mặt bằng đ-ợc thể hiện ở 80 ha đất canh tác và đất ch- a sử dụng. Việc xây dựng nhà, các công trình kiến trúc khác, hệ thống cơ sở hạ tầng trên phần đất này t-ơng đối thuận lợi.

Việc xây dựng nhà và cơ sở hạ tầng trên diện tích còn lại đều phải tính đến những khó khăn về giải phóng mặt bằng, trừ một số diện tích thuộc các doanh nghiệp nhà n-ớc có thể đề nghị cải tạo hoặc chuyển đổi chức năng sử dụng đất ở ven đ-ờng 6 (khoảng 5,8ha); một số khu vực đề nghị di chuyển để xây dựng mới theo quy hoạch (khoảng 27,7ha).

Trong các loại đất đã thống kê nói trên, phần đất thuộc các doanh nghiệp công nghiệp, đất của các cơ quan nhà n-ớc còn để trống khá nhiều. Với các nhóm đất này, việc chuyển đổi chức năng sử dụng sẽ t-ơng đối thuận lợi, nhất là việc chuyển một phần sang trồng cây xanh.

Nói chung, trong khoảng thời gian 5-10 năm tới, việc chuyển đổi chức năng sử dụng đất ở Thanh Xuân sẽ còn t-ơng đối thuận lợi hơn các quận khác. Tựu trung lại, những thuận lợi đó xuất phát từ những lý do sau đây:

- Còn t-ơng đối nhiều đất canh tác nông nghiệp và đất ch- a sử dụng (8,79% tổng diện tích tự nhiên), với hơn 80 ha.
- Các công trình về nhà ở của dân có giá trị t-ơng đối thấp, và bố trí không phải ở mặt đ-ờng.
- Các công trình kiến trúc khác chất l-ợng còn thấp, trị giá không lớn.

Do vậy, trong chiến lược phát triển của quận Thanh Xuân, nên chăng cần tranh thủ thuận lợi có tính thời cơ đó để giải phóng mặt bằng cho xây dựng các công trình công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, điều thuận lợi trên hoàn toàn không có nghĩa là việc xây dựng các công trình kiến trúc sẽ không phải chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng. Điều đó chỉ có nghĩa là các thủ tục đền bù sẽ đỡ phức tạp hơn so với việc đền bù cho từng hộ dân.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com